

Số: **333** /BC-UBND

Đắk Nông, ngày 05 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2020 và triển khai nhiệm vụ, kế hoạch năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. UBND tỉnh Đắk Nông báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020 và triển khai nhiệm vụ, kế hoạch năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Năm 2020 là năm then chốt, năm cuối thực hiện các mục tiêu, kế hoạch của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; để hoàn thành các mục tiêu về xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững, nhất là sau ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, địa phương và nhân dân trong tỉnh đã đồng lòng, nỗ lực triển khai thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới. Các cơ quan, đơn vị đã lồng ghép giữa công tác chuyên môn gắn với tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới vào các cuộc họp, hội nghị, đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, người lao động và nhân dân về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, bằng các hình thức, nội dung tuyên truyền phong phú, đa dạng như: tuyên truyền bằng hình ảnh trực quan thông qua pa nô, áp phích, tờ rơi,... tuyên truyền thông qua các kênh Đài Phát thanh và Truyền hình, cổng thông tin điện tử, qua các trang mạng xã hội facebook, zalo... đã từng bước nâng cao nhận thức, ý thức cho nhân dân trong việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; từ đó, đã huy

động được sự tham gia hưởng ứng tích cực từ người dân trong việc thực hiện các nội dung của Chương trình.

2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

Căn cứ Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội khóa XIII phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; UBND tỉnh Đắk Nông đã kiện toàn nhân sự Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2030 (gọi tắt là Ban Chỉ đạo) để chỉ đạo, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó, có Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (tại Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020).

Cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở các cấp được duy trì hoạt động ổn định; tại các đơn vị, địa phương có sự thay đổi nhân sự đã kịp thời kiện toàn, điều chỉnh để phù hợp với quy định và thống nhất trong bộ máy chỉ đạo, tham mưu thực hiện Chương trình.

3. Ban hành các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

3.1. Kết quả ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và quy định của Trung ương

Năm 2020, tỉnh Đắk Nông vẫn đang áp dụng và tổ chức thực hiện đầy đủ các cơ chế, chính sách và các văn bản hướng dẫn của Trung ương đã ban hành để thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020. Ngoài ra, căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn mới của các Bộ, ngành Trung ương trong năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh đã cụ thể hóa đầy đủ các văn bản chỉ đạo để tổ chức thực hiện ở địa phương, cụ thể:

- Ngay từ đầu năm 2020, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Đắk Nông đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020, trong đó đã đề ra được các mục tiêu cụ thể cũng như các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện Chương trình trong năm.

- Căn cứ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ về cho các đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và thực hiện các nhiệm vụ, đề án do Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng; đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong xây dựng nông thôn mới năm 2020 để các địa phương tổ chức triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn được Trung ương phân bổ năm 2020.

- Công tác xây dựng báo cáo thực hiện nông thôn mới: Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới

tinh phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện để kịp thời tham mưu xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của Trung ương, cụ thể: xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2019; xây dựng Kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2020; Báo cáo kết quả thực hiện và nhu cầu nguồn vốn của các địa phương phấn đấu đạt chuẩn năm 2020; Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 - 2020, phương hướng giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tại các xã đặc biệt khó khăn; Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tại xã An toàn khu cách mạng trên địa bàn tỉnh và các Báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của các Bộ, ngành Trung ương như: về môi trường, xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa.

3.2. Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù và các văn bản chỉ đạo, điều hành của địa phương

- Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù:

Trong năm 2020, địa phương đang áp dụng và thực hiện các cơ chế, chính sách đã được ban hành để thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2016 - 2020; trong đó, nổi bật nhất là thực hiện chính sách khen thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; cơ chế hỗ trợ để thực hiện đầu tư các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được quy định tại Nghị Quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

Ngoài ra, năm 2020 Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các Nghị quyết như: Nghị quyết số 44/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về quy định mức hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 về quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành:

Ngoài việc triển khai, cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Trung ương, để tổ chức thực hiện Chương trình ngày càng đạt hiệu quả cao, có chất lượng theo chiều sâu. Qua đó, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo, điều hành, ban hành một số văn bản trọng tâm như sau:

+ Chỉ đạo, điều hành công tác thẩm tra, thẩm định xét, công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới; đối với một số xã chưa đáp ứng yêu cầu, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo chấn chỉnh, tiếp tục khắc phục và thực hiện đạt chuẩn theo quy định. Vì vậy, trong năm 2020, tỉnh đã đạt được 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã đạt chuẩn đều đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Bộ tiêu chí nông thôn mới.

+ Trong thời gian đang xảy ra dịch bệnh Covid-19, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 1217/UBND-KTN ngày 18/3/2020 để chỉ đạo không

tổ chức Lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định, hướng dẫn, mà lòng ghép trao quyết định khen thưởng trong cuộc họp, hội nghị của địa phương nhưng vẫn đảm bảo trang trọng, hiệu quả.

+ Chỉ đạo, điều hành cuộc họp bàn giải pháp để thực hiện đối với các địa phương phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020; đồng thời, ban hành văn bản chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các địa phương và cơ quan, đơn vị có liên quan để tổ chức triển khai thực hiện nhằm đạt mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

+ Để nâng cao hơn nữa chất lượng đạt chuẩn nông thôn mới, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3568/UBND-KTN ngày 16/7/2020 về việc nâng cao chất lượng trong xây dựng nông thôn mới; Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Công văn số 4020/BCĐ-NTM ngày 06/8/2020 về việc tiếp tục khắc phục và đảm bảo các tiêu chí nông thôn mới.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Đoàn thẩm tra thành phố Gia Nghĩa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và chỉ đạo tổ chức công tác thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị Trung ương thẩm định, xét, công nhận thành phố Gia Nghĩa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới...

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn thực hiện Chương trình

Trong năm 2020, các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp đào tạo tập huấn về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chuyên đề, lĩnh vực khác có liên quan, như: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức 12 lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp tại 08 huyện, thành phố với 1.100 lượt người tham gia. Đồng thời, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, các cơ quan, đơn vị đã chủ động tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để góp phần thúc đẩy xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾.

Công tác đào tạo, tập huấn về Chương trình xây dựng nông thôn mới nhìn chung được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện; tuy nhiên kinh phí bố trí cho công tác đào tạo, tập huấn trong thời gian qua còn rất hạn chế, chủ yếu trích từ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, ngân sách địa phương ở các cấp chưa bố trí, do đó công tác đào tạo, tập huấn chưa được triển khai sâu rộng và thường xuyên.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

⁽¹⁾ Trung tâm Khuyến nông tổ chức được 130 lớp tập huấn với 4.771 lượt người tham gia, nữ 2.490 người, dân tộc 1.841 người; Hội Nông dân tỉnh tổ chức 07 lớp tập huấn về quy trình chế biến, bảo quản nông sản và thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho 315 học viên là nông dân, hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh tổ chức 05 Hội thảo tham vấn cuộc vận động “Xây dựng gia đình 05 không, 03 sạch” tại huyện Cư Jút, Đắk R’lấp; Tổ chức 09 buổi truyền thông và tập huấn cuộc vận động “Xây dựng gia đình 05 không, 03 sạch” gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thu hút trên 2.500 cán bộ, hội viên, phụ nữ, học sinh và người dân tham gia.

⁽²⁾ Xã Đắk R’Moan, xã Đắk Nia thị xã Gia Nghĩa; Xã Nam Dong, xã Cư Knia, xã Tâm Thắng, xã Trúc Sơn, xã Đắk Wil, xã Ea Pô huyện Cư Jút; xã Nhân Đạo, xã Nghĩa Thắng huyện Đắk R’lấp; xã Đắk Drô, xã Nam Nung, xã Đắk Sôr huyện Krông Nô; Xã Năm N’Jang huyện Đắk Song.

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

- *Về lập quy hoạch xã nông thôn mới:* Đến nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 60/60 xã đã hoàn thành công tác lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới. Trong năm 2020, cấp xã đang rà soát để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung cho phù hợp với giai đoạn hiện nay. Đến nay, đã có 13/60 xã⁽²⁾ đã lập và được phê duyệt quy hoạch chi tiết, đạt 22%, đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thì 100% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch.

- *Về lập quy hoạch, đề án vùng huyện:* Năm 2017, đã tiến hành lập Đề án chi tiết xây dựng nông thôn mới huyện Đắk R'lấp giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025 để đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, hiện nay đang tiến hành tổ chức thực hiện theo đề án đã được phê duyệt.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Công tác xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng trong năm 2020 tiếp tục được các cấp, các ngành chú trọng quan tâm triển khai thực hiện. Với sự hỗ trợ của Nhà nước và sự hưởng ứng tích cực của người dân nông thôn, các công trình hạ tầng thiết yếu như: đường giao thông, trường học, nhà văn hóa... đã được đầu tư xây dựng kiên cố, sạch đẹp từng bước đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người dân; đặc biệt là việc làm đường giao thông nông thôn.

Với nguồn vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện năm 2020 (177,680 tỷ đồng), UBND tỉnh đã phân bổ về cho các địa phương để đầu tư thực hiện: 134 công trình đường giao thông nông thôn; 70 công trình về cơ sở vật chất văn hóa; 60 công trình về trường học; 05 công trình thủy lợi; 01 công trình về điện; 01 công trình xử lý môi trường.

Đánh giá theo Bộ tiêu chí đến hết năm 2020 toàn tỉnh: có 41/60 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông, đạt 68,3%; có 54/60 xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi đạt 90%; có 52/60 xã đạt tiêu chí số 4 về điện, đạt 86,7%; có 40/60 xã đạt tiêu chí số 5 về trường học, đạt 66,7%; có 46/60 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, đạt 76,7%; có 55/60 xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đạt 91,7%; có 57/60 xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, đạt 95%; có 41/60 xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, đạt 68,3%.

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân là một trong những nội dung trọng tâm, cốt lõi của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, trong những năm qua các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch, xây dựng đề án, dự

án phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; xây dựng các mô hình phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương.

Công tác đào tạo nghề tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện. Trong năm 2020, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện đã tổ chức đào tạo 27 lớp học nghề nông nghiệp với 900 học viên, tăng 136 học viên so với năm 2019; trong đó: nữ 581 học viên, nam 319 học viên; dân tộc thiểu số 660 học viên, hộ nghèo 65 học viên, hộ cận nghèo 107 học viên và lao động nông thôn khác 80 học viên. Ngoài ra, công tác đào tạo việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn đã đạt được kết quả cao. Từ đó, đã từng bước nâng cao được tay nghề, kiến thức, kinh nghiệm cho người dân nông thôn trong việc áp dụng vào công tác phát triển sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Về công tác phát triển Hợp tác xã, trang trại: Kinh tế hợp tác có sự chuyển biến tích cực, phát triển về số lượng và chất lượng, toàn tỉnh hiện có 03 Liên hiệp Hợp tác xã, 156 Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng 26 Hợp tác xã so với 2019, chiếm 83% số Hợp tác xã trên toàn tỉnh; Tổng vốn điều lệ của các Hợp tác xã nông nghiệp khoảng 92 tỷ đồng; tổng số thành viên Hợp tác xã khoảng 3.550 thành viên; tổng số lao động thường xuyên khoảng hơn 3.000 người; doanh thu bình quân khoảng 1.400 triệu đồng/ Hợp tác xã/năm; lãi bình quân 780 triệu đồng/ Hợp tác xã/năm; thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong Hợp tác xã là 60 triệu đồng/năm; Tuy nhiên, tỷ lệ các Hợp tác xã hoạt động hiệu quả chiếm tỷ lệ khoảng 35%, các Hợp tác xã hoạt động trung bình chiếm 50%; Hợp tác xã ngừng hoạt động 24/156 Hợp tác xã chiếm khoảng 15%. Nhìn chung, các Hợp tác xã làm ăn hiệu quả chưa cao, hoạt động còn hình thức, đa số các Hợp tác xã có quy mô nhỏ, năng lực hoạt động còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của thành viên; sản phẩm Hợp tác xã làm ra chưa tìm được thị trường tiêu thụ ổn định.

- Trên địa bàn tỉnh có 1.213 trang trại, trong đó: Trang trại trồng trọt là chủ yếu, chiếm 87%, còn lại là trang trại tổng hợp, chăn nuôi. Diện tích sản xuất bình quân khoảng 07 ha/trang trại, doanh thu bình quân của các trang trại đạt khoảng 1 tỷ đồng/trang trại/năm.

Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến nay toàn tỉnh có 45/60 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập, đạt 75%; có 60/60 xã đạt tiêu chí số 12 về lao động có việc làm, đạt 100%; có 53/60 xã đạt tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất đạt 88,3%.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

Kết quả thực hiện các mục tiêu giảm nghèo và thực hiện các Chương trình an sinh xã hội:

Mục tiêu phấn đấu giảm nghèo hàng năm trên địa bàn tỉnh là giảm từ 2% trở lên, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3% và hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên.

Theo kết quả rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo đến cuối năm 2020 toàn tỉnh có 11.785 hộ 56.566 khẩu, chiếm tỷ lệ 6,98% trên tổng số hộ toàn tỉnh, số hộ nghèo giảm 5.343 hộ, tỷ lệ giảm 3,53% so với năm 2019.

Các Chương trình an sinh xã hội trong năm 2020 tiếp tục được các cơ quan, đơn vị và các địa phương thường xuyên quan tâm thực hiện nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, góp phần thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh⁽³⁾.

Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, đến nay toàn tỉnh có 43/60 xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo, đạt 71,7%, tăng 03 xã so với năm 2019.

* Trong năm qua việc thực hiện công tác giảm nghèo đã được các cấp, các ngành và địa phương thực hiện khá hiệu quả; tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn gặp những khó khăn, vướng mắc như:

- Người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có tỷ lệ nghèo, hộ cận nghèo chiếm đa số; trong khi trình độ dân trí còn hạn chế, nhiều nơi, nhiều hộ gia đình chưa biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh; đa số hộ nghèo còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Trong thời gian qua tình trạng dân di cư tự do từ các nơi khác đến tỉnh Đắk Nông vẫn còn diễn ra phức tạp, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; điều kiện sống và phương thức sản xuất của đồng bào di cư gặp nhiều khó khăn và thường xuyên có sự di chuyển nơi sinh sống; vì vậy, việc thực hiện các chính sách để hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và thoát nghèo còn hạn chế.

- Tỷ lệ số xã và thôn đặc biệt khó khăn của tỉnh còn cao gây khó khăn cho địa phương trong việc thực hiện các chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm.

5. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

- Về giáo dục: Sự nghiệp giáo dục tỉnh Đắk Nông tiếp tục phát triển về quy mô trường, lớp, học sinh. Chính quyền các cấp quan tâm, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học, nên diện mạo các trường ngày càng khang trang hơn, đảm bảo phòng học, có nhiều trường học đã triển khai mô hình học 2 buổi/ngày. Trang thiết bị dạy học hàng năm được bổ sung và hoàn thiện dần, góp phần đáng kể trong việc nâng cao chất lượng dạy và học. Tính đến hết năm 2020 đã có 60/60 xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo⁽⁴⁾.

⁽³⁾ Chi trả chế độ trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng, chăm sóc và nuôi dưỡng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ gạo cứu đói dịp Tết Nguyên Đán năm 2020, giáp hạt và hạn hán cho hơn 11.330 khẩu với hơn 184 tấn gạo; chăm lo cho người có công trong toàn tỉnh hưởng trợ cấp đảm bảo chế độ kịp thời và đúng đối tượng.

⁽⁴⁾ Toàn ngành có 356 cơ sở, 155 trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó: mầm non 37/123 trường, Tiểu học 62/122 trường, Trung học cơ sở 42/79 trường, Trung học phổ thông 14/32 trường; 100% số trẻ trong độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; tỷ lệ trẻ em 5 tuổi ra lớp đạt 99%; có 60/60 xã được công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt 100%; có 60/60 xã được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ chiếm tỷ lệ 100%; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15-60 đạt 93,18%. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt trên 99,7%; tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 93,6%; 60/60 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ, đạt tỉ lệ 100%. Có 60/60 xã và 8/8 huyện, thành phố đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở, chiếm tỷ lệ 100%.

- Về Y tế: Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, đổi mới đóng vai trò quan trọng trong hoạt động y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu, góp phần giảm tải cho tuyến trên. Số xã có trạm y tế đủ điều kiện, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế là 60/60 xã, công tác khám chữa bệnh được duy trì thường xuyên. Tại các xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế thì công tác khám chữa bệnh cho nhân dân có chuyển biến tích cực, chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao, thu hút được bệnh nhân đến khám và điều trị, góp phần giảm tải cho bệnh viện tuyến trên. Từ đó, đem lại được lợi ích kinh tế thiết thực cho nhân dân, nhất là người nghèo, người có thẻ bảo hiểm y tế. Tính đến hết năm 2020, số người tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh là 557.072 người tăng 13.065 người so với cùng kỳ năm trước, đạt tỷ lệ bao phủ BHYT là 91%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng ngày càng giảm. Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến hết năm 2020 toàn tỉnh có 59/60 xã đạt tiêu chí số 15 về y tế, đạt 98,3%.

- Về văn hóa: Phong trào xây dựng gia đình văn hóa trong năm qua được phát động và thực hiện tốt ở các địa phương, công tác bình xét Gia đình văn hóa luôn được chú trọng nâng cao chất lượng, được tổ chức công khai, dân chủ, bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục quy định góp phần nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, kinh tế - xã hội. Số lượng gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”, số thôn, bon, văn hóa ngày càng tăng, chất lượng cũng được nâng lên⁽⁵⁾. Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, đến hết năm 2020 có 52/60 xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa, đạt 86,7% .

- Về bảo vệ môi trường: Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và thường xuyên theo dõi, kịp thời xử lý các tổ chức, cơ sở gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường nông thôn. Các cơ sở sản xuất kinh doanh cũng thực hiện tương đối đầy đủ các cam kết về bảo vệ môi trường; nghĩa trang từng bước được cải tạo và xây dựng theo quy hoạch; các dịch vụ thu gom, xử lý rác thải được hình thành ngày càng nhiều dưới các hình thức như: doanh nghiệp tư nhân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác về thu gom rác; bãi rác đã được các huyện quan tâm quy hoạch cụ thể. Trong năm 2020, tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; các địa phương đã lồng ghép các Chương trình, dự án khác để đầu tư xây dựng mới, sửa chữa các công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn và các trường học nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho người dân nông thôn⁽⁶⁾.

Nhìn chung các cơ sở sản xuất kinh doanh đã thực hiện đầy đủ các cam kết về bảo vệ môi trường; Một số địa bàn nông thôn, khu vực xa các trung tâm

⁽⁵⁾ Đến nay, toàn tỉnh có 672/789 Nhà văn hóa, Hội trường thôn, có 36/71 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, 08/08 huyện, thành phố có sân khấu ngoài trời, có 94 sân Bóng đá Mini có nhân tạo; 32 sân quần vợt; có khoảng 232 sân bóng chuyên; có 61 sân Cầu lông ; 05 sân bóng rổ; 06 bể bơi; Số gia đình văn hóa toàn tỉnh là 125.001/147.592 đạt 84,69%; có 672/789 thôn, bon, buôn đạt chuẩn văn hóa, đạt 85,17%; có 839/932 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa, đạt 92,60% và có 36/71 xã phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa đạt 50,21%.

⁽⁶⁾ Tỷ lệ số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến cuối năm 2020 là khoảng 90%; trong đó tỷ lệ số hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung là khoảng 10%. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch đạt chuẩn Bộ Y tế đạt 49%.

huyện, thành phố, đã tự hình thành các đơn vị, tổ, nhóm hoạt động dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt tại các thôn xóm, buôn, bon, tự đầu tư mua đất để làm bãi chôn lấp chất thải rắn, qua đó cũng góp phần giải quyết được nhu cầu xử lý chất thải rắn một số địa bàn nông thôn theo hình thức xã hội hóa. Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến tháng hết năm 2020 đã có 41/60 xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm, đạt 68,3%.

6. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức cấp xã được triển khai thực hiện hiệu quả⁽⁷⁾.

Các dịch vụ hành chính công tiếp tục được các địa phương cải thiện và nâng cao chất lượng hoạt động, thường xuyên rà soát thủ tục hành chính để kịp thời công bố mới, thay thế, bãi bỏ, rút ngắn thời gian giải quyết và cập nhật đầy đủ vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính từ đó ngày càng tạo ra môi trường thuận tiện, nhanh gọn cho các giao dịch của người dân.

Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” gắn với xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai thực hiện sâu rộng. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã lựa chọn nội dung ưu tiên phù hợp với từng địa phương, từng đối tượng, gắn với yêu cầu thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, tập trung vào những vấn đề bức xúc hiện nay như: Không bạo lực gia đình; không sinh con thứ 3, không có con suy dinh dưỡng, bỏ học; bảo vệ môi trường; an toàn vệ sinh thực phẩm; sản xuất sạch; tiêu dùng sạch; Phong trào phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế, phụ nữ khởi nghiệp, giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ... để tổ chức triển khai cho các hội viên thực hiện.

Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, đến nay toàn tỉnh có 36/60 xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, đạt 60%.

7. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

Công tác quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong năm 2020 cơ bản ổn định và giữ vững, nhất là khu vực biên giới. Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự, bảo vệ an toàn các mục tiêu, các hoạt động chính trị và chủ động tấn công tội phạm. Tổ chức diễn tập khu phòng thủ năm 2020 đạt kết quả tốt. Hoàn thành việc tuyển chọn, gọi

⁽⁷⁾ Trong năm 2020 tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý trong công tác xây dựng nông thôn mới đối với Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã 01 lớp: 62 lượt người tham dự; Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ QLNN đối với Bí thư Đoàn thanh niên cấp xã 01 lớp với 55 lượt người tham dự; Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ QLNN đối với Chủ tịch UBMTTQVN cấp xã 01 lớp 60 lượt người tham dự; Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ QLNN đối với Địa chính - Xây dựng cấp xã 01 lớp với 63 lượt người tham dự. Tỷ lệ xã có tổ chức đoàn thể chính trị xã hội đạt loại khá trở lên: 100%; Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị tiếp cận pháp luật và tỷ lệ số xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định 36/60 xã, đạt 60%.

công dân nhập ngũ năm 2020, đạt 100% chỉ tiêu; đồng thời, triển khai công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2021. Duy trì chế độ sẵn sàng chiến đấu của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định để không bị động bất ngờ trong mọi tình huống. Đẩy mạnh các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kiểm chế và giảm tai nạn giao thông so với cùng kỳ, năm 2020 công an tỉnh đã mở 04 đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, bảo vệ đại hội đảng các cấp, đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là hoạt động theo nhóm “tín dụng đen”, bảo kê, đòi nợ thuê, trộm cắp tài sản, giết, cướp tài sản, tội phạm về ma túy....⁽⁸⁾

Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, đến hết 2020 toàn tỉnh có 50/60 xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh, đạt 83,3%.

8. Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Công tác kiểm tra, giám sát trong năm 2020 tiếp tục được các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cơ sở quan tâm triển khai thực hiện, từ đó đã tham mưu, giúp đỡ, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho các địa phương trong quá trình thực hiện Chương trình, tiêu biểu như:

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với các Sở, Ban, ngành tiếp tục đi kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện tại các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020; kiểm tra, rà soát lựa chọn 05 khu dân cư để xây dựng làm thí điểm Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, khảo sát các xã đưa vào mục tiêu kế hoạch phấn đấu năm 2021...

- Các Sở, Ban, ngành của tỉnh được giao phụ trách các nội dung, tiêu chí nông thôn mới đã chủ động tiến hành đi kiểm tra, đánh giá, nắm bắt cơ sở, như: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập đoàn đi kiểm tra về tình hình triển khai lập kế hoạch đầu tư cấp xã các Chương trình mục tiêu quốc gia theo Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và quá trình triển khai cơ chế đặc thù theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Các Sở, ban, ngành thành lập các đoàn kiểm tra, đánh giá chuyên ngành như: Nội vụ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Công thương, Bảo hiểm xã hội...

- Các huyện, thành phố đã thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện ở cơ sở để kịp thời hướng dẫn và giải quyết những khó khăn trong quá trình thực hiện.

9. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

⁽⁸⁾ Lực lượng công an các cấp đã điều tra làm rõ 295/323 vụ tội phạm về TTXH (đạt tỷ lệ 91,33%), riêng trọng án đạt 100%. Điều tra, khám phá 01 vụ giết người đót xác tạo hiện trường giả, 01 vụ sử dụng mạng viễn thông để chiếm đoạt tài sản của người nhà nạn nhân tại sự cố Thủy điện rào trắng 3; triệt phá 10 vụ tín dụng đen; 06 nhóm trộm cắp chuyên nghiệp, bắt và khởi tố 48 vụ đánh bạc, xử lý hành chính 101 đối tượng làm hư hỏng tài sản, cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản; bắt và vận động ra đầu thú 82 đối tượng truy nã; 06 vụ hoạt động mại dâm; bắt khởi tố 123 vụ sử dụng trái phép chất ma túy; bắt 55 vụ vi phạm các quy định về quản lý và phát triển rừng; khởi tố 04 vụ, bắt 30 vụ về vi phạm vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán pháo nổ trái phép.

9.1. Kết quả huy động các nguồn lực năm 2020

Kết quả vốn huy động đầu tư vào khu vực nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh năm 2020 khoảng 15.731,927 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình: 257,180 tỷ đồng (*trong đó: ngân sách Trung ương 227,180 tỷ đồng⁽⁹⁾; ngân sách địa phương: 30 tỷ đồng*), chiếm 1,63%.
- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án: 677,309 tỷ đồng, chiếm 4,31%.
- Vốn doanh nghiệp: 70 tỷ đồng, chiếm 0,44%.
- Vốn tín dụng thương mại (*dự nợ cho vay trên địa bàn các xã đến 31/12/2020*): 14.500 tỷ đồng, chiếm 92,17%.
- Vốn huy động cộng đồng (*bao gồm ngày công, tiền mặt; hiến đất đai, cây cối, hoa màu,..*): 227,438 tỷ đồng, chiếm 1,45%.

(Chi tiết theo biểu số 06 tại phụ lục 02 kèm theo)

9.2. Kết quả phân bổ, sử dụng vốn ngân sách Trung ương

Trong năm 2020, tỉnh Đắk Nông được Trung ương phân bổ 227,180 tỷ đồng (*vốn sự nghiệp 49,5 tỷ đồng, vốn đầu tư phát triển 177,680 tỷ đồng*) để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ và các quy định, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh Đắk Nông đã phân bổ các nguồn vốn về cho các đơn vị, địa phương để thực hiện các nội dung của Chương trình, cụ thể như sau:

** Đối với vốn sự nghiệp:*

Với nguồn vốn sự nghiệp 49,5 tỷ đồng, UBND tỉnh đã phân bổ về cho Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Công an tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa để thực hiện các nội dung như sau:

- Hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở: 5,7 tỷ đồng;
- Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm: 3,95 tỷ đồng;
- Thực hiện Đề án OCOP: 4 tỷ đồng;
- Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã: 0,6 tỷ đồng;
- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 10,89 tỷ đồng;
- Hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục Trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học: 3,83 tỷ đồng;
- Đào tạo cán bộ cấp xã: 0,5 tỷ đồng;

⁽⁹⁾ Trong năm 2020 được giao 227,180 tỷ đồng (177.680 tỷ đồng vốn ĐTPT và 49.500 tỷ đồng vốn sự nghiệp).

- Giữ vững quốc phòng an ninh và chính trị xã hội: 0,8 tỷ đồng;
- Xây dựng cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” : 0,6 tỷ đồng;
- Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, truyền thông về xây dựng nông thôn mới: 3,19 tỷ đồng;
- Thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu - rẫy mẫu: 1,5 tỷ đồng;
- Hoạt động của Ban chỉ đạo và Văn phòng Điều phối cấp tỉnh, cấp huyện: 1,37 tỷ đồng;
- Vốn duy tu bảo dưỡng: 12,57 tỷ đồng.

(Chi tiết theo biểu số 07 và 08 tại phụ lục 02 kèm theo)

*** Đối với vốn đầu tư phát triển:**

Với nguồn vốn đầu tư phát triển là 177,68⁽¹⁰⁾ tỷ đồng. UBND tỉnh đã phân bổ về cho cấp huyện để bố trí cho cấp xã trong thực hiện đầu tư xây dựng các công trình thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới (tại Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020; Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về giao kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020; Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục công trình, dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019)

(Chi tiết theo biểu số 09 và phụ lục 02 kèm theo)

9.3. Kết quả giải ngân vốn ngân sách Trung ương phân bổ năm 2020

Kết quả giải ngân vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình trong năm 2020: Vốn sự nghiệp giải ngân đạt 91%; Vốn đầu tư phát triển mới giải ngân đạt 94,2%.

9.4. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản

Tính đến nay, tỉnh Đắk Nông không nợ đọng xây dựng cơ bản trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

10. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới

10.1. Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí nông thôn mới

- Đến nay toàn tỉnh có 29/60 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới chiếm 48,3% (năm 2020 có 07 xã đã được Hội đồng thẩm định tỉnh bỏ phiếu thống nhất đạt chuẩn, đang hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận); bình quân toàn tỉnh mỗi xã đạt 15,78 tiêu chí; bình quân của

⁽¹⁰⁾ Trong đó phân bổ cho các huyện: Cư Jút 11,538 tỷ đồng; Đắk Mil 15,197 tỷ đồng; Đắk Song 12,945 tỷ đồng; Tuy Đức 33,770 tỷ đồng; Đắk Glong 39,398 tỷ đồng; Krông Nô 17,166 tỷ đồng; Đắk R’lấp 17,448 tỷ đồng; thành phố Gia Nghĩa 5,488 tỷ đồng.

31 xã chưa đạt chuẩn là 12,77 tiêu chí/xã; không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí; kết quả theo từng nhóm tiêu chí như sau:

- + Nhóm 1: Đạt 19 tiêu chí có 29 xã chiếm 48,3%;
 - + Nhóm 2: Đạt từ 15 - 18 tiêu chí có 9 xã chiếm 15%;
 - + Nhóm 3: Đạt từ 10 - 14 tiêu chí có 22 xã chiếm 36,7%;
 - + Nhóm 4: Đạt từ 5 - 9 tiêu chí có 0 xã;
 - + Nhóm 5: Đạt từ 0 - 4 tiêu chí: 0 xã.
- Kết quả theo từng huyện, thành phố:
- + Huyện Cư Jút: Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn, lũy kế có 6/7 xã đạt chuẩn; bình quân mỗi xã đạt 18,29 tiêu chí (*tăng 1,14 tiêu chí/xã so với năm 2019*);
 - + Huyện Đắk Mil: Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn, lũy kế có 6/9 xã đạt chuẩn; bình quân mỗi xã đạt 16,67 tiêu chí (*tăng 1,11 tiêu chí/xã so với năm 2019*);
 - + Huyện Đắk Song: Tăng thêm 01 xã đạt chuẩn, lũy kế có 4/8 xã đạt chuẩn; bình quân mỗi xã đạt 17,25 tiêu chí (*tăng 1,38 tiêu chí/xã so với năm 2019*);
 - + Huyện Đắk R'lấp: Lũy kế có 8/10 xã đạt chuẩn; bình quân mỗi xã đạt 18,40 tiêu chí (*tăng 0,30 tiêu chí/xã so với năm 2019*);
 - + Huyện Đắk Glong: Đạt 01 xã được công nhận đạt chuẩn; lũy kế có 1/7 xã đạt chuẩn; bình quân mỗi xã đạt 11,71 tiêu chí (*tăng 2,71 tiêu chí/xã so với năm 2019*);
 - + Huyện Krông Nô: Tăng thêm 01 xã đạt chuẩn, lũy kế có 2/11 xã đạt chuẩn; bình quân mỗi xã đạt 14,64 tiêu chí (*tăng 1,73 tiêu chí/xã so với năm 2019*);
 - + Huyện Tuy Đức: Chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt 11 tiêu chí (*tăng 1,17 tiêu chí/xã so với năm 2019*);
 - + Thành phố Gia Nghĩa: 100% số xã đã đạt chuẩn; đang bổ sung, khắc phục và hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét thẩm định.

(Chi tiết tại biểu số 01-05 của Phụ lục 01 kèm theo)

10.2. Đánh giá theo chỉ tiêu Kế hoạch năm 2020

* *Đánh giá chỉ tiêu giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh:*

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2020 trong toàn tỉnh: Năm 2020 đạt thêm 07 xã được công nhận đạt chuẩn, lũy kế có 29/60 xã đạt chuẩn; đạt vượt Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh giao (Nghị quyết HĐND tỉnh giao là có thêm 04 xã, lũy kế 25 xã).

- Bình quân toàn tỉnh mỗi xã đạt 15,78 tiêu chí/xã, tăng 1,28 tiêu chí/xã so với năm 2019, đạt vượt Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh giao (*Nghị quyết HĐND tỉnh giao đạt 15 tiêu chí/xã*).

* *Đánh giá chỉ tiêu giao tại Kế hoạch số 86/KH-BCĐ ngày 24/02/2020 của Ban chỉ đạo tỉnh đối với từng huyện, thành phố:*

+ Huyện Cư Jút: Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn, bình quân chung toàn huyện đạt 18,29 tiêu chí/xã; đạt vượt kế hoạch giao (*Kế hoạch có thêm 1-2 xã đạt chuẩn; bình quân mỗi xã 17,71 tiêu chí/xã*).

+ Huyện Krông Nô: Tăng thêm 01 xã đạt chuẩn, bình quân chung toàn huyện đạt 14,64 tiêu chí/xã; **chưa đạt kế hoạch giao** (*Kế hoạch có 01-02 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 14,91 tiêu chí/xã*).

+ Huyện Đắk Song: Tăng thêm 01 xã đạt chuẩn, bình quân chung toàn huyện đạt 17,25 tiêu chí/xã; **đạt, vượt kế hoạch giao** (*Kế hoạch có thêm 01 xã đạt chuẩn; bình quân mỗi xã 16,38 tiêu chí/xã*).

+ Huyện Đắk R'lấp: Chưa có thêm xã nào đạt chuẩn, bình quân chung mỗi xã đạt 18,40 tiêu chí/xã; **chưa đạt kế hoạch giao** (*Kế hoạch có thêm 01-02 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 18,6 tiêu chí/xã*).

+ Huyện Đắk Mil: Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn, bình quân chung mỗi xã đạt 16,67 tiêu chí/xã; **chưa đạt kế hoạch giao** (*Kế hoạch có thêm 01-02 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 16,78 tiêu chí/xã*).

+ Huyện Đắk Glong: Có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân mỗi xã đạt 11,71 tiêu chí/xã; đạt vượt kế hoạch giao (*Kế hoạch không giao có xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 10,33 tiêu chí/xã*).

+ Huyện Tuy Đức: Bình quân mỗi xã đạt 11 tiêu chí/xã; **đạt vượt kế hoạch giao** (*Kế hoạch giao bình quân mỗi xã đạt 10,43 tiêu chí/xã*).

+ Thành phố Gia Nghĩa: Được xét, công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đến nay, thành phố đã khắc phục, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ lần 02 trình Hội đồng thẩm định Trung ương để xét, công nhận thành phố Gia Nghĩa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020.

11. Đánh giá theo Bộ tiêu chí cấp huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông mới có 2/8 huyện, thành phố (*huyện Đắk R'lấp và thành phố Gia Nghĩa*) tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo rà soát, đánh giá thì kết quả đến nay như sau:

- *Đối với Thành phố Gia Nghĩa*

Hiện nay, các Sở, ngành có liên quan và UBND thành phố Gia Nghĩa đã khắc phục, bổ sung và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố

Gia Nghĩa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 theo như ý kiến chỉ đạo, đánh giá của Đoàn thẩm định Trung ương. UBND tỉnh đang bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cấp tỉnh, trình Hội đồng thẩm định Trung ương thẩm định, xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Gia Nghĩa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020.

- Đối với huyện Đắk R'lấp

Đến nay, trên địa bàn huyện đã có 8/10 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; để đạt theo quy định thì phải phấn đấu đưa 02 xã còn lại (xã: Đắk Sin, Hưng Bình) phải đạt chuẩn nông thôn mới.

Đánh giá kết quả thực hiện 9 tiêu chí của cấp huyện thì đến thời điểm hiện tại huyện đã 7/9 tiêu chí cấp huyện, cụ thể, Tiêu chí: số 1 về Quy hoạch, số 2 về giao thông, số 3 về thủy lợi, số 4 về điện, số 6 về phát triển sản xuất, số 8 về an ninh trật tự xã hội, số 9 về chỉ đạo xây dựng nông thôn mới. Còn lại 2 tiêu chí đang phấn đấu đạt chuẩn trong năm 2021 là tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục và tiêu chí số 7 về Môi trường; Hiện nay địa phương đang phấn đấu để đạt.

12. Kết quả thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

12.1. Về sản phẩm

Đến thời điểm hiện nay số lượng sản phẩm được đánh giá, xếp hạng năm 2020 là 36 sản phẩm (gồm: có 33 sản phẩm đạt 3 sao, 3 sản phẩm đạt 4 sao).

12.2. Chủ thể tham gia Chương trình

- Qua đánh giá, xếp hạng có 29 chủ thể tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm: 11 chủ thể là Hợp tác xã, 9 chủ thể là Công ty, 4 chủ thể là trang trại và 05 cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh.

- Trong năm 2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức 03 lớp tập huấn cho chủ thể tham gia sản xuất sản phẩm OCOP.

12.3. Kết quả thực hiện Quyết định số 4078/QĐ-BNN-VPĐP ngày 28/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt khung chỉ đạo điểm triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (gọi tắt Quyết định số 4078/QĐ-BNN-VPĐP).

Thực hiện Quyết định số 4708/QĐ-BNN-VPĐP; Công văn số 1431/VPĐP-OCOP ngày 03/12/2019 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về việc tham gia chỉ đạo điểm Chương trình OCOP. UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng thuyết minh, dự toán mô hình chỉ đạo điểm Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2020 về phát triển sản phẩm hồ tiêu hữu cơ huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Đến nay, dự án đã trình Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương xem xét, phê duyệt; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xin gia hạn thời gian thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 và được Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương đồng ý tại Công văn số 1418/VPĐP-KHTC&GS ngày 06/11/2020.

12.4. Kết quả triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm.

- Năm 2020, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị kết nối giao thương hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nhằm tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản, kết nối giữa chủ thể OCOP và đơn vị tiêu thụ sản phẩm. Đối tượng là các chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP, các đơn vị tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài tỉnh.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có các sản phẩm tiềm năng tham gia Chương trình OCOP; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia Hội chợ Nông nghiệp và sản phẩm OCOP Tây Nguyên tại thành phố Buôn Ma Thuột; Hội chợ Quảng bá, tiêu thụ nông đặc sản vùng miền và sản phẩm OCOP tại Hà Nội; Sự kiện giới thiệu, quảng bá, kết nối sản phẩm OCOP gắn với văn hóa các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên tại Hà Nội và các hoạt động trưng bày, quảng bá trong tỉnh.

12.5. Kết quả thực hiện các giải pháp hỗ trợ chủ thể tham gia Chương trình OCOP

Năm 2020, UBND tỉnh đã bố trí nguồn vốn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 4 tỷ đồng từ Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa khảo sát lựa chọn được 56 chủ thể: Hỗ trợ tư vấn hoàn thiện hồ sơ sản phẩm; hỗ trợ các tiêu chí còn thiếu như: hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc điện tử, hỗ trợ thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm, hỗ trợ xúc tiến thương mại. Đồng thời, tổ chức Hội nghị kết nối với các đối tác sản phẩm OCOP nhằm cung cấp dịch vụ đầu vào; tư vấn trong quá trình sản xuất, quản trị Hợp tác xã, doanh nghiệp... nghiên cứu chất lượng sản phẩm, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

13. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án đặc thù trong xây dựng nông thôn mới tại địa phương

13.1. Đối với việc thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là đề án 1385), tỉnh Đắk Nông đã triển khai thực hiện và đạt được kết quả như sau:

Tỉnh Đắk Nông có 4 xã với 43 thôn, bon, buôn, bản thuộc Đề án 1385 gồm: xã Đắk Wil huyện Cư Jút với 15 thôn, bon; xã Thuận Hà huyện Đắk Song với 9 thôn, bon; xã Quảng Trục huyện Tuy Đức với 9 thôn, bon; xã Đắk Búk Sor huyện Tuy Đức với 10 thôn, bon. Căn cứ quy định của Trung ương, trong năm 2020, UBND tỉnh Đắk Nông đã bố trí 16,083 tỷ đồng nguồn vốn ngân sách Trung ương phân bổ để thực hiện Đề án tại 04 xã; đồng thời huy động, lồng ghép các nguồn lực khác để thực hiện.

Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tại 04 xã đến nay như sau: Xã Đắc Wil, huyện Cư Jút đã được công nhận đạt chuẩn năm 2019; xã Thuận Hà, huyện Đắc Song được công nhận đạt chuẩn năm 2020; xã Quảng Trục đạt 11/19 tiêu chí; xã Đắc Búk So đạt 13/19 tiêu chí.

13.2. Đối với thực hiện nhiệm vụ “hỗ trợ kết cấu hạ tầng các Hợp tác xã nông nghiệp” tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015-2020: Năm 2020, UBND tỉnh Đắc Nông đã phân bổ 8,646 tỷ đồng để hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng cho 7 Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; đến nay có 4/5 huyện, thành phố Gia Nghĩa đã triển khai và hoàn thành việc hỗ trợ kết cấu hạ tầng tại cấp huyện: Đắc Mil, Đắc Song, Đắc R’lấp và thành phố Gia Nghĩa; 01 huyện Cư Jút đang trong quá trình triển khai thực hiện.

13.3. Đối với việc thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ:

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa giai đoạn 2017-2020 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Đắc Nông đã có văn bản đăng ký tham gia xây dựng 02 mô hình bảo vệ môi trường, cụ thể: mô hình quản lý và xử lý rác thải ở nông thôn; mô hình xử lý chất thải chăn nuôi. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua địa phương không được bố trí kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện.

13.4. Đối với việc thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắc Nông đạt được kết quả như sau:

- Về công tác lựa chọn huyện để triển khai theo Đề án 676:

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tại Công văn số 3448/UBND-NN ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ (có Công văn số 3448/UBND-NN ngày 04 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh kèm theo). Trong đó, đã lựa chọn huyện Đắc R’lấp để làm thí điểm triển khai thực hiện Đề án 676, đây là huyện đã đáp được một số tiêu chí theo yêu cầu của Đề án, cụ thể: gắn với vùng sản xuất nguyên liệu tập trung; có tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn huyện cao; cơ bản hoàn thành quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới; có kế hoạch xây dựng huyện nông thôn mới trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Tình hình lập, thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện thí điểm:

Sau khi được UBND tỉnh lựa chọn để làm thí điểm Đề án thí huyện Đăk R'láp đã tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Đề án 676, cụ thể như sau:

+ Năm 2017: UBND huyện Đăk R'láp đã thực hiện và hoàn thành việc lập Đề án chi tiết xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2017 - 2020.

+ Năm 2018: Huyện đã tổ chức thực hiện và hoàn thành việc lập Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn tại các xã: Kiến Thành, Đăk Wer, Quảng Tín để hình thành các điểm dân cư nông thôn tập trung để đầu tư, xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu bố trí dân cư phát triển hàng năm trên địa bàn các xã để thực hiện xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa. Trong đó, xã Đăk Wer được huyện lựa chọn làm điểm xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025.

+ Ngày 22/01/2019: Huyện đã thành lập Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện Đăk R'láp nhằm hỗ trợ các dịch vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất hàng hóa lớn gắn với xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa.

- Kế hoạch triển khai thực hiện các bước tiếp theo:

Căn cứ vào Đề án xây dựng huyện nông thôn mới đã được phê duyệt và các định hướng của Trung ương trong việc xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình đô thị hóa tại Đề án 676, trong thời gian tới huyện Đăk R'láp tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của Đề án. Trong đó, tập trung phấn đấu thực hiện để đưa 02 xã còn lại (xã Đăk Sin và xã Hưng) đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành các tiêu chí còn lại của cấp huyện theo quy định; phấn đấu đến năm 2021 sẽ hoàn thành và lập hồ sơ đề nghị thẩm tra, thẩm định, xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật trong năm 2020

Trong năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng lớn từ thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid - 19, tuy nhiên các cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị tỉnh Đăk Nông đã tích cực vào cuộc quyết liệt, quyết tâm cao.

UBND tỉnh đã ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; các thành viên Ban Chỉ đạo ở các cấp được phân công nhiệm vụ cụ thể trong việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình. Công tác tuyên truyền, vận động tiếp tục được triển khai thực hiện tương đối hiệu quả, đa số người dân trên địa bàn cấp xã đã nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình, đồng lòng và tích cực tham gia đóng góp trong việc thực hiện Chương trình. Do đó, đến nay bộ mặt nông thôn của các xã đã có nhiều khởi sắc; chất lượng cuộc sống của người dân ngày được nâng cao. Đến nay, thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh đạt 49,65tr/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn 6,98%. Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu

chí nông thôn mới ngày càng tăng, hàng năm và giai đoạn 2016 - 2020 đều đạt vượt các chỉ tiêu do Thủ tướng chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong năm 2020, đã có thêm 07 xã được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế có 29/60 xã đạt chuẩn chiếm 48,3%, vượt 18,8% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020; bình quân mỗi xã đạt 15,78 tiêu chí/xã, vượt 0,78 tiêu chí số với mục tiêu giai đoạn 2016-2020.

Theo kết quả điều tra xã hội học của Ban Tuyên giáo tỉnh Đắk Nông trong năm 2020 có tới 72,9% công chúng đánh giá việc xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tốt hơn năm 2019 và cao nhất trong 8 nội dung về lĩnh vực kinh tế, tỷ lệ đánh giá bằng năm 2019 là 20,5%, tỷ lệ đánh giá kém hơn năm 2019 chỉ có 2,2%. Thông qua kết quả phân tích ở mục II và kết quả tham dò dư luận cho thấy xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Nông đang có sự thay đổi tích cực.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Nhìn chung trong năm qua, Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới các xã đã vào cuộc để triển khai thực hiện Chương trình. Tuy nhiên, tại một số địa phương sự vào cuộc chưa thực sự quyết liệt; chưa ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và phân công cụ thể cho các thành viên để tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình; các thành viên trong Ban Chỉ đạo, Ban quản lý cấp xã còn kiêm nhiệm nhiều công việc. Công tác tuyên truyền, vận động tuy đã được triển khai thực hiện nhưng chưa liên tục và sâu rộng; vì vậy, nhận thức, sự vào cuộc, đóng góp của người dân trên địa bàn một số xã cho Chương trình xây dựng nông thôn mới chưa nhiều. Nhất là tại một số xã đặc biệt khó khăn có diện tích tự nhiên rộng, đang được sự quan tâm, ưu tiên đầu tư nhiều từ ngân sách Nhà nước nên vẫn đang có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu đi sự chủ động, phấn đấu vươn lên; Do đó, kết quả đạt được ở địa bàn một số xã chuyển biến chậm và có sự chênh lệch ngày càng lớn đối với các địa phương khác.

- Việc huy động nguồn lực cho Chương trình xây dựng nông thôn mới gặp nhiều khó khăn do ngân sách đầu tư của nhà nước chưa đáp ứng được so với nhu cầu, trong khi đó vốn huy động trong nhân dân gặp khó khăn do giá cả nông sản giảm sâu, kéo dài; thiên tai, dịch bệnh bị thiệt hại nhiều.

- Các công trình cơ sở hạ tầng từng bước đã được đầu tư xây dựng kiên cố, ngày càng đồng bộ, cơ bản đáp ứng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương. Tuy nhiên, tại một số xã vẫn còn các công trình như: trường học, nhà văn hóa thôn, bon, chợ nông thôn, trạm y tế,... chưa được chỉnh trang gọn gàng, sạch đẹp và chưa được đầu tư đầy đủ các trang thiết bị để phục vụ sinh hoạt, nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

- Nhìn chung các địa phương bước đầu đã quan tâm đến công tác giữ gìn vệ sinh và xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn. Tuy nhiên, cảnh quan môi trường tại một số tuyến đường, nhà văn hóa thôn, khu vực công cộng,... của một số xã chưa được thu gom rác thải, chỉnh trang sạch đẹp; nhiều tuyến đường chưa có điện chiếu sáng; vệ sinh hộ gia đình tại một số địa phương chưa được quan

tâm thực hiện để chỉnh trang, dọn dẹp khuôn viên gia đình;... chưa xây dựng, hình thành được các khu dân cư sáng, xanh, sạch, đẹp tiêu biểu.

- Mặc dù hiện tỉnh Đắk Nông đã có 29/60 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; tuy nhiên, các xã mới đạt ở mức tối thiểu, tiệm cận so với quy định của Bộ tiêu chí; do đó, chưa thực sự bền vững, dễ biến động, một số xã sau khi được công nhận nông thôn mới thì phong trào xây dựng nông thôn mới có dấu hiệu chững lại.

Phần thứ hai **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2021**

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung toàn tỉnh

- Thành phố Gia Nghĩa được Thủ tướng Chính phủ công nhận “*thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới*” năm 2020 (*mục tiêu năm 2020 kéo dài*).

- Huyện Đắk R’lấp hoàn thành các điều kiện và lập hồ sơ đề nghị thẩm định, xét, công nhận “*huyện đạt chuẩn nông thôn mới*” (*mục tiêu năm 2020 chuyển qua*).

- Có thêm từ 4 - 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*Nghị quyết HĐND tỉnh giao thêm 3 xã, lũy kế 31 xã*).

- Số tiêu chí bình quân toàn tỉnh mỗi xã đạt 16,5 tiêu chí/xã trở lên (*Nghị quyết HĐND tỉnh giao là đạt từ 16 tiêu chí/xã*).

- 5 Khu dân cư được UBND tỉnh lựa chọn làm thí điểm được công nhận đạt chuẩn “*Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu*”.

2. Mục tiêu cụ thể cho các huyện, thành phố Gia nghĩa

a) Huyện Cư Jút:

- Có thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*xã Đắk D’rông*);

- Lựa chọn, xây dựng thêm 02 Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Huyện Đắk R’lấp:

- Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và đạt 9/9 tiêu chí cấp huyện. Hoàn thiện thủ tục, hồ sơ đề nghị Trung ương thẩm định, xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021.

- Lựa chọn, xây dựng thêm 02 Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

c) Huyện Đắk Mil:

- Có thêm ít nhất 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*xã Đắk N’Đrót*); bình quân chung toàn huyện đạt 18 tiêu chí/xã trở lên.

- Có 01 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao (*xã Thuận An*).

- Lựa chọn, xây dựng thêm 02 Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

d) Huyện Đắk Song:

- Có thêm ít nhất 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*xã Đắk Hòa*); bình quân chung toàn huyện đạt 18 tiêu chí/xã trở lên.

- Lựa chọn, xây dựng 01 Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

đ) Huyện Krông Nô:

- Có thêm ít nhất 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*xã Đắk D'ró*); bình quân chung toàn huyện đạt 15,5 tiêu chí/xã trở lên.

- Lựa chọn, xây dựng thêm 01 Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

e) Huyện Đắk Glong:

- Bình quân chung toàn huyện đạt 12,7 tiêu chí/xã trở lên.

- Lựa chọn, xây dựng 01 Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

g) Huyện Tuy Đức:

- Bình quân chung toàn huyện đạt 12 tiêu chí/xã trở lên.

- Lựa chọn, xây dựng 01 Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

h) Thành phố Gia Nghĩa:

- Được Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020.

- Lựa chọn, xây dựng thêm 02 Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

II. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2021

Dự kiến nguồn lực và khả năng huy động các nguồn lực đầu tư vào khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh trong năm 2021 khoảng 15.920 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình: 150 tỷ đồng (*trong đó: ngân sách Trung ương 100 tỷ đồng; ngân sách địa phương: 50 tỷ đồng*), chiếm 0,94%.

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án: 1.220 tỷ đồng, chiếm 7,66%.

- Vốn doanh nghiệp: 55 tỷ đồng, chiếm 0,34%.

- Vốn tín dụng thương mại: 14.450 tỷ đồng, chiếm 90,76%.

- Vốn huy động cộng đồng: 45 tỷ đồng, chiếm 0,3% (*chỉ dự kiến nguồn vốn nhân dân đóng góp để đối ứng với ngân sách nhà nước trong đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng*).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021

1. Thẩm định, xét, công nhận địa phương đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: Tiến hành thẩm tra, thẩm định, xét công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 và tổ chức Lễ công bố “xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020”.

2. Tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền để làm chuyển biến sâu sắc, mạnh mẽ hơn nữa nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây

dựng nông thôn mới. Tổ chức thực hiện sâu rộng phong trào thi đua “Đák Nông chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025 và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn về xây dựng nông thôn mới; trong đó chú trọng tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu, các chuyên đề phù hợp với tình hình mới.

3. Tiến hành rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn mới để điều chỉnh, bổ sung phù hợp với giai đoạn mới; trong đó chú ý vấn đề xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình đô thị hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đồng bộ, đảm bảo kết nối nông thôn với đô thị và kết nối cấp xã trong huyện, cấp huyện trong tỉnh

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản phục vụ sản xuất và dân sinh ở nông thôn theo hướng đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng; từng bước bắt kịp tốc độ phát triển chung của vùng; gắn với phát triển đô thị, tạo kết nối đồng bộ liên xã, liên huyện và từng bước hiện đại hóa cơ sở hạ tầng trung tâm cấp huyện, cấp xã. Đi đôi với phát triển cơ sở hạ tầng phải gắn với bảo tồn các di sản văn hóa, nét đẹp truyền thống ở vùng nông thôn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa để không bị mai một.

Trong quá trình thực hiện, đối với các công trình cơ sở hạ tầng có kỹ thuật đơn giản, đã có thiết kế mẫu như: đường giao thông nông thôn, kênh mương nội đồng, nhà văn hóa thôn, bon, buôn,...thì tiếp tục chủ động, ưu tiên cho người dân trên địa bàn xã tự trực tiếp triển khai thực hiện và giám sát nhằm phát huy vai trò chủ thể của người dân.

5. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, chú trọng khai thác lợi thế của địa phương

Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung trên địa bàn các huyện, thành phố.

Tập trung phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, trong đó quan tâm phát triển khâu bảo quản và chế biến nông lâm thủy sản, chuẩn hóa sản phẩm và quảng bá, xúc tiến thương mại để nâng cao giá trị sản phẩm. Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế du lịch gắn với phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa phương, như: Mô hình du lịch nông thôn, du lịch sinh thái...

Tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP theo hướng nâng cao chất lượng gắn với xây dựng thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh và hướng tới xuất khẩu. Chú trọng khâu truyền thông về sản phẩm OCOP để người tiêu dùng biết, hiểu đúng và tin cậy về sản phẩm OCOP.

6. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa cơ sở và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn

Duy trì, nâng cao phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; nâng cao kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tập trung phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn; tích cực vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, phấn đấu đến hết năm 2021 tỷ lệ bao phủ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 91% trở lên. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; quan tâm đầu tư xây dựng các khu vui chơi, giải trí để đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân nông thôn nói chung và người già, trẻ em nông thôn nói riêng. Giữ gìn nét văn hóa truyền thống, giá trị tốt đẹp ở vùng nông thôn; bảo tồn và phát huy sự đa dạng, phong phú về các giá trị văn hóa ở nông thôn làm cơ sở để nhân rộng mô hình du lịch trải nghiệm, du lịch nông thôn.

7. Chú trọng triển khai công tác bảo vệ, cải tạo, chỉnh trang cảnh quan môi trường nông thôn

Huy động xã hội hóa về dịch vụ thu gom, xử lý rác thải ở địa phương. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tự ý thức thu gom, phân loại, xử lý rác thải tại hộ gia đình theo quy định; cải tạo, chỉnh trang khuôn viên, cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp ở khu dân cư, khu nhà ở hộ gia đình; kịp thời xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh bị ô nhiễm...

Tiếp tục duy trì các phong trào nói không với rác thải nhựa; quan tâm thực hiện tốt công tác cải tạo cảnh quan môi trường để làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả cuộc vận động xây dựng gia đình “5 không 3 sạch” do Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ phát động; Huy động toàn dân triển khai thực hiện chương trình trồng 1 tỷ cây xanh do Thủ tướng Chính phủ phát động.

8. Tiếp tục nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cơ sở; duy trì, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội địa bàn nông thôn

Rà soát và tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức cấp xã nhằm đạt chuẩn theo quy định; trong đó, tập trung ưu tiên cho các đối tượng thuộc các xã phấn đấu đạt chuẩn trong năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025.

Thường xuyên đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội địa bàn nông thôn; nâng cao vai trò hoạt động của các Tổ dân quân tự vệ ở địa phương. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân nhất là các xã vùng trọng điểm, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng năm 2021 ở các địa phương.

9. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các Bộ tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới

- *Đối với Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới:* Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn huyện Đắk R’lấp thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu về xã nông thôn mới và các tiêu chí cấp huyện để sớm hoàn thiện hồ sơ đề nghị Trung ương thẩm định, xét,

công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020. Đối với các huyện còn lại tiến hành rà soát, đánh giá theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới để xây dựng kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

- *Đối với Bộ tiêu chí xã nông thôn mới:* Tổ chức rà soát, đánh giá, lựa chọn các xã có khả năng đạt chuẩn trong năm 2021 và trong giai đoạn 2021-2025 đưa vào kế hoạch tập trung chỉ đạo.

- *Đối với Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:* Các xã đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tiến hành rà soát, đánh giá và xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao quy định tại Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh.

- *Đối với Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Bộ tiêu chí vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới:* Tập trung xây dựng hoàn thành, đảm bảo chất lượng 5 Khu dân cư được lựa chọn làm điểm. Đồng thời các huyện, thành phố chủ động lựa chọn xây dựng các Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trong năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025 theo Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh và Bộ tiêu chí vườn mẫu-rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của UBND tỉnh. Khuyến khích phát động toàn dân triển khai tại các khu dân trên địa bàn tất cả các xã.

10. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động để tiếp tục huy động sự vào cuộc, đóng góp tích cực từ các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế,... và đặc biệt là sự hưởng ứng tích cực của cộng đồng dân cư trong việc hiến đất đai, cây cối hoa màu, ngày công, tiền của, vật liệu, máy móc, tự nguyện chung sức, chung lòng tổ chức triển khai các nội dung của Chương trình.

Lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu và các dự án đang thực hiện trên địa bàn nông thôn để thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Các tổ chức tín dụng trên địa bàn cần có các giải pháp tuyên truyền, hỗ trợ người dân trên địa bàn nông thôn tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để từ đó nâng cao công tác phát triển sản xuất, tăng thu nhập, góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình.

Các cơ quan, đơn vị nhận hỗ trợ đỡ đầu cho các xã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đỡ đầu, hỗ trợ nhằm góp phần giúp đỡ các xã nâng cao chất lượng và hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới.

Căn cứ vào nguồn vốn được phân bổ, các địa phương ưu tiên cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2021, các xã đặc biệt khó khăn và

đồng thời các huyện, thành phố phải tính toán cân đối ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí cho Chương trình.

11. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Phát huy hiệu quả vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới tại địa phương; nhất là thực hiện tốt công tác lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân để các cơ quan, đơn vị làm cơ sở nghiên cứu trong công tác chỉ đạo, điều hành.

Ban Chỉ đạo tỉnh, các ngành chuyên môn tổ chức các đoàn kiểm tra, đánh giá các nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện, xã.

12. Kiện toàn bộ máy chỉ đạo điều hành, cơ quan quan giúp việc các cấp và xây dựng khung pháp lý thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025

Tiếp tục nghiên cứu kiện toàn hệ thống Ban chỉ đạo các cấp để phù hợp với giai đoạn mới và các quy định của Trung ương. Kiện toàn hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo cấp xã theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp, bỏ thực hiện theo chế độ làm kiêm nhiệm; trong đó, chú trọng việc bố trí, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác về xây dựng nông thôn mới các cấp để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Các Sở, Ban, ngành của tỉnh chủ động cập nhật, nghiên cứu tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách, khung văn bản pháp lý để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025 theo yêu cầu, quy định của Trung ương và đặc thù của tỉnh.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Sau khi Quốc hội thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, kính đề nghị Trung ương sớm ban hành khung văn bản pháp lý để địa phương sớm triển khai thực hiện.

2. Hiện nay thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới và đã được Đoàn trung ương đã tổ chức thẩm định. Trên cơ sở ý kiến đánh giá của Đoàn Trung ương thẩm định, UBND tỉnh Đắk Nông đã tiếp thu, khắc phục, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020. Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, sớm trình Hội đồng thẩm định Trung ương tổ chức họp, bỏ phiếu, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận.

3. Tỉnh Đắk Nông thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt được những kết quả rất tích cực; các chỉ tiêu đều đạt vượt so với kế hoạch do Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao. Tuy nhiên, các xã đã được công nhận đạt chuẩn chủ yếu là các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khá phát triển, đứng tốp đầu của cấp huyện nhưng cũng chỉ mới

đạt ở mức tối thiểu so với quy định của Bộ tiêu chí; do đó, chưa thực sự bền vững, dễ biến động. Các xã còn lại chủ yếu là các xã có điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, mặt khác, Chương trình xây dựng nông thôn mới là Chương trình có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc; các xã, các huyện sau khi đạt chuẩn sẽ tiếp tục thực hiện theo các Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu,... Để tiếp triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới cho phép tỉnh Đắk Nông được lập “Đề án thực hiện thí điểm Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở vùng khó khăn, biên giới khu vực Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030”.

Trên đây là Báo cáo kết quả tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Nông. UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- VPDP NTM Trung ương (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể (để biết);
- UBND các huyện, thành phố (để biết);
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh (theo dõi);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KTTH, KTN(Ha).

4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

PHỤ LỤC 01

BIỂU 01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO CÁC CHỈ SỐ VÀ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

CHỈ SỐ THEO DỜI KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 33 / BC-UBND ngày 05 / 5 / 2021 của UBND tỉnh Đắk Nông)



STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Đạt tiêu chuẩn gốc (cuối năm 2015)	Năm 2019		Năm 2020		Mức tiêu năm 2021	Ghi chú			
				Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)	Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)					
I CÁC CHỈ SỐ KẾT QUẢ CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH												
1	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	1,64	22/60 xã	36,67	29/60	48,3333	51,67	Năm 2021 ước đạt thêm 03 xã			
2	Tỷ lệ số huyện đạt chuẩn/hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới	%	0	0	-	-	0	25	Mục tiêu năm 2021 có 01 huyện Đắk R'Lấp đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố Gia Nghĩa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng xây dựng nông thôn mới			
3	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã	tiêu chí/xã	9,5	14,50	-	15,78	0	16				
4	Xã đạt dưới 5 tiêu chí	xã	1	0	0	0	0	0				
5	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	triệu đồng/năm	25,23	45	-	45		54				
6	Số dự án, công trình quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù	Công trình		110								
II CÁC CHỈ SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH												
1	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	1.1	1.1.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 1 (quy hoạch)	%	100	60/60 xã	100	60/60 xã	100	100	Theo báo cáo của Sở Xây dựng	
				1.1.2. Tỷ lệ số xã đã lập quy hoạch chi tiết	%	0	13/60 xã	21,67	12/60 xã	20,00	30,00	
				1.1.3. Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ	%	0	0/8 huyện	0	1/8 huyện	12,5	12,5	Huyện Đắk R'Lấp

STT	Chi số	Đơn vị tính	Dữ liệu gốc (cuối năm 2015)	Năm 2019		Năm 2020		Mức tiêu năm 2021	Ghi chú		
				Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)	Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)				
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1	2.1.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 2 (Giao thông)	11,48	34/60 xã	56,67	41/60 xã	68,33	40 xã	Theo báo cáo của Sở Giao thông vận tải	
				2.1.2. Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn	53,99	595,8/942,2 km	63,235	702/840,9km	85,6225	78,8	
					2.1.3. Tỷ lệ đường trục thôn, bon, buôn, bản, và đường liên thôn, bon, buôn, bản, được cứng hóa đại chuẩn	45,35	1016,2/1450 km	70,0828	1.205,7/1606 km	75,0747	80,3
				2.1.4. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lấy lợi vào mùa mưa và tỷ lệ được cứng hóa	19,17	610,4/1.187 km	51,4238	721/1.2247 km	58,9052	56,2	
				2.1.5. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	19,50	273,8/563 km	48,6323	441,3/715 km	61,7203	58,2	
				2.1.6. Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí số 2 về Giao thông theo Quyết định số 558/QĐ-TTG ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ	0	Chưa có huyện đạt	0	Chưa có huyện đạt	0	12,5	Theo báo cáo của Chi cục Thủy lợi
		2.2	2.2.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 3 (Thủy lợi)	52,5	54/60 xã	90,0	54/60 xã	90,0	54 xã		
				2.2.2. Tỷ lệ diện tích cây trồng được đảm bảo tưới và tiêu nước chủ động	174.707/217.712 ha	80,4		85	90		
					2.2.3. Tỷ lệ số xã có hệ thống thủy lợi đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	54/60 xã	90	555/60 xã	91,6667	100	
				2.2.4. Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi theo Quyết định số 558/QĐ-TTG ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ	3/8 huyện	37,5	4/8 huyện	50	62,5		
					2.3.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 4 (Điện)	44,26 (27/61)	53/60 xã	88,3333	52/60 xã	86,6667	91,67
				2.3	2.3.2. Tỷ lệ hệ số dung điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn			98		99	100
2.3.3. Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí số 4 về Điện theo Quyết định số 558/QĐ-TTG ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ	0	Chưa có huyện đạt	0			Chưa có huyện đạt	0	25			
2.4	2.4.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 5 (Trường học)	21,31 (13/61)	35/60 xã	58,33	40/60 xã	66,67	75	Theo báo cáo của Sở Sở Giáo dục và Đào tạo			
		2.4.2. Tỷ lệ số trường học (điểm chính) có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh			88,00		88,00	90			

STT	Chi số	Đơn vị tính	Dữ liệu gốc (cuối năm 2015)	Năm 2019		Năm 2020		Mức tiêu năm 2021	Ghi chú										
				Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)	Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)												
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội			2.4.3. Tỷ lệ trường trung học phổ thông đạt chuẩn	%	25,81 (8/31)	11/33 Trường	33,33	14/32 Trường	43,75	50								
				2.5.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 6 (Cơ sở vật chất văn hóa)	%	9,84 (6/61 xã)	33/60 xã	55	46/60 xã	76,6667	80	Theo báo cáo Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch							
				2.5.2. Tỷ lệ số xã có trung tâm văn hóa, thể thao xã	%	22,95 (14/61 xã)	31/60 xã	52	31/60 xã	52	36								
				2.5.3. Tỷ lệ số thôn có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	65,27													
				2.5.4. Tỷ lệ số xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	%							Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch có báo cáo nhưng số liệu không đầy đủ							
				2.5.5. Tỷ lệ số huyện có trung tâm văn hóa, thể thao huyện đạt chuẩn	%	50 (4/8 huyện)													
				2.6. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn)	%	29,5	49/60	81,7	55/60	91,7	95	Theo báo cáo của Sở Công thương							
				2.7	2.7.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 8 (Thông tin và truyền thông)					77	57/60 xã	95,0	57/60 xã	95,0	100				
											2.7.2. Tỷ lệ số xã có điểm phục vụ bưu chính	%		42/60 xã	70	42/60 xã	70	75	Theo báo cáo của Sở
											2.7.3. Tỷ lệ số xã có dịch vụ viễn thông, internet	%		61/61 xã	100	60/60 xã	100	100	Thông tin và Truyền thông
											2.7.4. Tỷ lệ số xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	%		59/60	98,3	59/60	98,3333	100	
											2.7.5. Tỷ lệ số xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành	%		60/60 xã	100	60/60 xã	100	100	
2.7	2.7.6. Số đài truyền thanh cấp xã được thiết lập mới						11 xã	18,3333	11 xã	18,3333			Số Thông tin và Truyền thông có báo cáo nhưng không đầy đủ số liệu						
							2.7.7. Số đài truyền thanh cấp xã được nâng cấp	đài	2 xã	3,33333	2 xã	3,33333							
							2.7.8. Đài phát thanh, truyền hình cấp huyện và trạm phát lại được nâng cấp	đài	0	0	0	0							
							2.7.9. Trạm truyền thanh thôn bản vùng sâu vùng xa được thiết lập mới	trạm	0	0	0	0							
2.8	2.8.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 9 (Nhà ở dân cư)					18	39/60 xã	65,0	41/60 xã	68,3	75		Số Xây dựng báo cáo nhưng không đầy đủ thông tin						
							2.8.2. Số lượng hộ còn nhà tạm, dột nát	hộ											
							2.8.3. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định	%											
2.9	2.9.1. Tỷ lệ số xã có trạm y tế đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế						60/60 xã	100	60/60 xã	100	100								
							2.9.2. Trạm y tế xã có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh	%		60/60 xã	100	60/60 xã	100	100					

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Dữ liệu gốc (cuối năm 2015)	Năm 2019		Năm 2020		Mức tiêu năm 2021	Ghi chú		
				Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)	Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)				
3	Phát triển sản xuất, thu nhập	2.10	Tỷ lệ huyện có bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn hạng 3; trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	7/7 huyện	100	7/7 huyện	100	100			
		2.11	Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ	0	Chưa có huyện đạt		Chưa có huyện đạt		02 huyện		
				3.1.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 10 (Thu nhập)	57,38	45/60 xã	75	45/60 xã	75	83,33	Cục Thống kê
		3.1	3.1.2. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	triệu đồng/	25,23			41,03 triệu đồng/ người/		45	
				3.2	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 12 (Lao động có việc làm)	98,4	60/60 xã	100	60/60 xã	100	100
		3.3	3.3.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 13 (Tò chức sản xuất)	62,3	53/60 xã	88,33	53/60 xã	88,33	96,67		
				3.3.2. Tỷ lệ số xã có hoạt tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	53/60 xã	88,33	53/60 xã	88,33	96,67		
					3.3.3. Tỷ lệ số xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	53/60 xã	88,33	53/60 xã	88,33	96,67	
				3.4.1. Số lao động nông thôn được đào tạo nghề		5.750	1.417/3.960 người	36	2.859 người		
		3.4	3.4.1.1. Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo nghề nông nghiệp	%							Số lao động thương binh xã hội; Chi cục Phát triển nông thôn báo cáo nhưng không đầy đủ thông tin
3.4.1.2. Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo nghề phi nông nghiệp	%										
3.4.2. Số lao động nông thôn, người khuyết tật, thợ thủ công, thợ lành nghề được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng	lao động					2.859 người					
	3.5	Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí số 13 về sản xuất theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ	0	Chưa có huyện đạt	0	Chưa có huyện đạt	0	1 huyện			
4	Giảm nghèo và an sinh xã hội	4.1	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 11 (Hộ nghèo)	55,74	40/60 xã	67	43/60 xã	72	75,00	Theo báo cáo của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
				4.2	Tỷ lệ hộ nghèo bình quân toàn tỉnh/năm	19,2	17.128 hộ nghèo	10,51	11.785 hộ nghèo	6,98	5,00
				4.3	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân các huyện nghèo/năm	%	giảm 4-5%		giảm 4-5%	5.343 hộ	giảm 3,54%

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Dữ liệu gốc (cuối năm 2015)	Năm 2019		Năm 2020		Mục tiêu năm 2021	Ghi chú	
				Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)	Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)			
5	Giáo dục	5.1	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 14 (Giáo dục và đào tạo)	60/60 xã	100	60/60 xã	100	60 xã	Theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo	
		5.2	Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi được phổ cập giáo dục mầm non	60/60 xã	100	60/60 xã	100	100		
		5.3	5.3.1. Độ tuổi 15-60: Tỷ lệ biết chữ		92,43		93,18		95,00	
			5.3.2. Độ tuổi 15-60: Tỷ lệ biết chữ của người dân tộc thiểu số		82,30		93,18		95,00	
5	Giáo dục	5.3.3. Độ tuổi 15-35: Tỷ lệ biết chữ		94,71						
		5.3.4. Độ tuổi 15-35: Tỷ lệ biết chữ của người dân tộc thiểu số		89,90						
		5.4	Tỷ lệ trẻ 6 tuổi huy động được vào lớp 1		99,34		99,7			
		5.4.2. Tỷ lệ lưu ban và bỏ học ở tiểu học		0,13				100,00		
5	Giáo dục	5.5	5.4.3. Tỷ lệ đơn vị cấp huyện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi theo quy định	8/8 huyện, thành phố	100	8/8 huyện, thành phố	100	100		
			5.4.4. Tỷ lệ số xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi theo quy định	60/60 xã	100	60/60 xã	100	100	100	
		5.6	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	Năm học 2018-2019 có 7.813 em học THPT/ 8.934 học sinh tốt nghiệp THCS	87,5	Năm học 2019-2020 chiếm tỷ lệ 87,5%	87,5	90	Theo báo cáo của Sở Sở Giáo dục và Đào tạo	
		5.7	Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo nghề		42,50%		45,00%	50	Theo báo cáo của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
6	Y tế, chăm sóc sức khỏe người dân	6.1	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 15 (Y tế)	52/60 xã	86,67	59/60 xã	98,33	100		
		6.2	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế		88		91	95	Theo báo cáo của Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh	
		6.3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)		20,1		18	16		
		7.1	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 16 (Văn hóa)	53/60 xã	88	54/60 xã	90	92		
7	Chất lượng đời sống văn	7.2	Tỷ lệ số thôn, bon, buôn, bản, đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	672/789	85,17	672/789	85,17	75	Theo báo cáo của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	
		8.1	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 17 (Môi trường và an toàn thực phẩm)	33/60 xã	55	41/60 xã	68	75	Theo báo cáo của các Sở, UBND các huyện	
		8.2	Tỷ lệ hộ được nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo quy định		89%		90%	95		
		8.3	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn của Bộ Y tế		49%		49%	50		
8.4	Tỷ lệ số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh		80		80					

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Dữ liệu gốc (cuối năm 2015)	Năm 2019		Năm 2020		Mức tiêu năm 2021	Ghi chú		
				Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)	Mô tả thực trạng	Tỷ lệ (%)				
8	Vệ sinh, môi trường nông thôn	8.5	Tỷ lệ hộ có đủ nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch		80				Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh báo cáo nhưng không đầy đủ		
		8.6	Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		100						
		8.7	Tỷ lệ số xã đạt chỉ tiêu về chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	%							
		8.8	Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	27,2 (84/380 cơ sở)	163/163 hộ	100	163/163 hộ	100		
8.9	Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm										
			%	15,2 (198/1300 cơ sở)	60/60 cơ sở	100,0	60/60 cơ sở	100,0	100	Theo báo cáo của Sở Công thương quản lý	
			%			100		100	100	Theo báo cáo của Sở Y tế quản lý	
8.10	Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí số 17 về môi trường theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ			Chưa có huyện đạt	0	1	12,5	25	Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường		
		9.1	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật)	%	41	30/60 xã	50,00	36/60 xã	60,00	62	Theo Báo cáo của các Sở
		9.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	%				36/60 xã	60	66,66667	Nội vụ
9	Hệ thống chính trị	9.3	Số lượt cán bộ, công chức xã được đào tạo bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, kinh tế - xã hội chuyên sâu	Lượt	181		240				
		9.4	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	%		45/60 xã	75	60/60 xã	100	100	Theo báo cáo của Sở Tư pháp
10	Quốc phòng, an ninh	10.1	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh	%	85,2	44/60 xã	73,3333	50/60 xã	83,3333	91,66667	Theo Báo cáo của Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh
		10.2	Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí số 8 về an ninh trật tự xã hội theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ	%	0	5/8	62,8	5/8 huyện	62,5	100	Theo Báo cáo của Công an tỉnh

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
VÀ CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN**
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 333/BC-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	MỤC TIÊU	Kết quả đến năm 2019	Kết quả đến năm 2020	Kế hoạch đến năm 2021	Kết quả năm 2020 tăng (+), giảm (-) so với năm 2019	Ghi chú
I	THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ					
	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới	0	0		0	
1	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	22	29	31	7	Dự kiến hết quý I năm 2021 có thêm 6 - 7 xã đạt chuẩn (lũy kế 28 - 29 xã)
	Bình quân số tiêu chí đạt trên 01 xã	14,50	15,78	16	1	
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn	9,38	11,3846154		2,00	Có 13 xã đặc biệt khó khăn của các huyện: Tuy Đức và Đắk Glong
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã					
3.1	Số xã đạt 19 tiêu chí	19	29	31	10	
3.2	Số xã đạt 18 tiêu chí	3	1	2	-2	
3.3	Số xã đạt 17 tiêu chí	3	2	4	-1	
3.4	Số xã đạt 16 tiêu chí	0	2	2	2	
3.5	Số xã đạt 15 tiêu chí	6	4	3	-2	
3.6	Số xã đạt 14 tiêu chí	4	3	3	-1	
3.7	Số xã đạt 13 tiêu chí	4	3	4	-1	
3.8	Số xã đạt 12 tiêu chí	4	2	3	-2	
3.9	Số xã đạt 11 tiêu chí	5	7	4	2	
3.10	Số xã đạt 10 tiêu chí	4	7	4	3	
3.11	Số xã đạt 9 tiêu chí	2	0	0	-2	
3.12	Số xã đạt 8 tiêu chí	3	0	0	-3	
3.13	Số xã đạt 7 tiêu chí	3	0	0	-3	
3.14	Số xã đạt 6 tiêu chí	0	0	0	0	
3.15	Số xã đạt 5 tiêu chí	0	0	0	0	
3.16	Số xã đạt 4 tiêu chí	0	0	0	0	
3.17	Số xã đạt 3 tiêu chí	0	0	0	0	
3.18	Số xã đạt 2 tiêu chí	0	0	0	0	
3.19	Số xã đạt 1 tiêu chí	0	0	0	0	

STT	MỤC TIÊU	Kết quả đến năm 2019	Kết quả đến năm 2020	Kế hoạch đến năm 2021	Kết quả năm 2020 tăng (+), giảm (-) so với năm 2019	Ghi chú
4	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí					
4.1	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	60	60	60	0	
4.2	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	34	41	45	7	
4.3	Số Xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi	40	54	55	14	
4.4	Số xã đạt tiêu chí số 4 về điện	53	52	55	-1	
4.5	Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học	35	40	45	5	
4.6	Số xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa	33	46	50	13	
4.7	Số xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	49	55	56	6	
4.8	Số xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông	57	57	58	0	
4.9	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư	39	41	45	2	
4.10	Số xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập	45	45	47	0	
4.11	Số xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo	40	43	45	3	
4.12	Số xã đạt tiêu chí số 12 về lao động có việc làm	60	60	60	0	
4.13	Số xã đạt tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất	53	53	55	0	
4.14	Số xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục	60	60	60	0	
4.15	Số xã đạt tiêu chí số 15 về y tế	52	59	60	7	
4.16	Số xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa	53	54	55	1	
4.17	Số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm	33	41	45	8	
4.18	Số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	30	36	40	6	
4.19	Số xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh	44	50	55	6	
II	MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU					
1	Thu nhập BQ/người/năm toàn tỉnh (tr.đ)	47,79	49,65	51,26	1,86	
2	Thu nhập BQ/người/năm khu vực nông thôn (tr.đ)					
3	Tỷ lệ hộ nghèo (%) (theo chuẩn nghèo đa chiều)	10,51	6,98	5	-3,53	
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	42,5	45	45	2,5	
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề (%)					
6	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (%)	88	91	95	3	
7	Tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia (%)	89	90	92	1	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THEO 19 TIÊU CHÍ TRÊN TOÀN TỈNH NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 335/BC-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông)



STT	Tên huyện, Xã	Đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia																			Kết quả tăng/giảm trong năm 2020					
		Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh		Số tiêu chí lớn đạt đến năm 2020	Số tiêu chí lớn đạt đến năm 2019	Năm 2020 so với năm 2019		
I		Huyện Cư Jút																			7					
1	Xã Nam Dong	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	18	1	
2	Xã Tâm Thắng	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	
3	Xã Ea Pô	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	15	4	
4	Xã Đắk Wil	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	
5	Xã Cư Knia	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	17	2	
6	Xã Đắk DRông	D	K	D	D	K	D	D	K	K	D	D	D	D	D	D	D	D	D	K	D	D	14	13	1	
7	Xã Trúc Sơn	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	
II		Huyện Đắk Mil																								
1	Xã Đắk N'DRót	D	K	D	D	K	K	D	D	D	D	D	D	D	D	K	K	D	D	D	D	D	14	14	0	
2	Xã Đắk Gản	D	K	K	D	K	K	D	D	K	D	D	D	D	D	K	K	D	D	D	D	D	12	12	0	
3	Xã Long Sơn	D	K	D	D	K	K	D	K	K	D	D	K	D	D	K	K	D	D	D	D	D	10	10	0	
4	Xã Đức Mạnh	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	17	2	
5	Xã Đắk R'la	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	15	4	
6	Xã Thuận An	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	
7	Xã Đắk Lao	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	15	4	
8	Xã Đắk Sắk	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	

Đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia

STT	Tên huyện, xã	Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh	Số tiêu chí lớn đạt đến năm	Số tiêu chí lớn đạt đến năm	Năm 2020 so với năm 2019	Kết quả tăng/giảm trong năm 2020	
																					2020	2019			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19	19	0	+	-
9	Xã Đức Minh	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	

III Huyện Tuy Đức

1	Xã Quảng Tâm	D	D	K	K	D	K	D	K	K	K	K	D	D	D	D	D	K	K	K	D	10	10	9	1
2	Xã Đắk Ngo	D	K	D	D	D	D	D	K	K	K	K	D	D	D	D	K	K	K	K	D	10	10	7	3
3	Xã Đắk R'Tih	D	K	D	K	D	D	D	D	K	K	K	D	K	D	D	D	K	K	K	D	11	11	10	1
4	Xã Quảng Tân	D	K	D	D	D	K	K	D	K	K	K	D	D	D	D	D	K	K	K	D	11	10	10	1
5	Xã Đắk Buk Sor	D	K	D	K	D	K	D	D	K	K	K	D	D	D	D	D	K	K	D	D	13	10	3	
6	Xã Quảng Tyrc	D	K	D	D	D	K	D	D	K	K	K	D	D	D	D	D	K	K	K	D	11	12	-1	

IV Huyện Đắk Glong

1	Xã Đắk Ha	D	K	D	K	K	D	D	K	K	K	K	D	D	D	D	D	K	K	K	D	11	9	2	
2	Xã Quảng Hòa	D	D	K	D	K	D	K	K	K	K	K	D	K	D	D	D	K	D	D	D	10	7	3	
3	Xã Đắk Rmăng	D	D	K	D	K	D	D	D	K	K	K	D	D	D	D	K	K	K	K	D	10	8	2	
4	Xã Quảng Khê	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	14	5	
5	Xã Quảng Sơn	D	D	D	D	K	D	D	D	K	K	K	D	D	D	D	D	K	K	K	D	11	8	3	
6	Xã Đắk Som	D	D	D	D	K	D	K	D	K	K	K	D	D	D	D	D	K	K	K	D	10	7	3	
7	Xã Đắk Plao	D	D	K	D	K	D	D	D	K	K	K	D	D	D	D	D	K	K	K	D	11	10	1	

V Huyện Đắk R'lấp

1	Xã Kiến Thành	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	
2	Xã Đắk Wer	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	
3	Xã Nhân Cơ	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	16	3	
4	Xã Nhân Đạo	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	15	4	
5	Xã Nghĩa Thắng	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	
6	Xã Đạo Nghĩa	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	16	3	
7	Xã Đắk Sín	D	K	D	K	K	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	15	11	4	

Đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia

STT	Tên huyện, xã	Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh	Số tiêu chí lớn đạt đến năm	Số tiêu chí lớn đạt đến năm	Năm 2020 so với năm 2019	Kết quả tăng/giảm trong năm 2020
																					2020	2019		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	2020	2019		+ -
8	Xã Hưng Bình	D	K	D	D	K	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	17	18	-1	
9	Xã Quảng Tín	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	
10	Xã Đắk Ru	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	

VI Huyện Đắk Song

1	Xã Đắk Mol	D	K	D	D	K	K	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	15	14	1	
2	Xã Đắk Hoà	D	D	D	D	K	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	17	17	0	
3	Xã Nam Bình	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	
4	Xã Thuận Hạnh	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	18	1	
5	Xã Thuận Hà	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	15	4	
6	Xã Đắk N'Drưng	D	K	D	D	K	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	16	12	4	
7	Xã Năm N'Jang	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	
8	Xã Trường Xuân	D	K	D	D	K	D	D	D	D	D	K	D	D	D	D	D	D	D	D	14	13	1	

VII Huyện Krông Nô

1	Xã Đắk Sôr	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	15	4	
2	Xã Nam Đà	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	0	
3	Xã Nam Xuân	D	K	K	D	D	D	D	D	K	D	D	D	K	D	D	D	D	D	D	12	13	-1	
4	Xã Tân Thành	D	K	D	D	K	D	K	D	K	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	13	12	1	
5	Xã Buôn Choah	D	K	D	D	D	K	D	D	K	D	K	D	D	D	D	D	D	D	D	13	11	2	
6	Xã Đắk Drô	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	18	14	4	
7	Xã Năm Nung	D	D	D	D	K	D	D	D	K	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	15	11	4	
8	Xã Năm N'Dir	D	D	D	D	K	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	16	15	1	
9	Xã Đức Xuyên	D	D	D	D	D	K	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	15	13	2	
10	Xã Đắk Nang	D	D	D	D	K	K	K	D	K	D	K	D	K	D	D	D	D	D	D	10	8	2	
11	Xã Quảng Phú	D	K	D	K	K	D	D	D	K	D	K	D	D	D	D	D	D	D	D	11	11	0	

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THEO 19 TIÊU CHỈ CỦA 07 XÃ PHÂN ĐẤU ĐẠT CHUẨN
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 313/BC-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia

STT	Tên xã	Đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia																						
		Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh	Số tiêu chí lớn đạt năm 2020	Số tiêu chí lớn đạt năm 2019	Năm 2020 tăng (+), giảm (-) so với năm 2019	
1	Ea Pô	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	15	4
2	Cư Knhia	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	17	2
3	Đắk R'l'a	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	15	4
4	Đắk Lao	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	15	4
5	Thuận Hà	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	15	4
6	Quảng Khê	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	14	5
7	Đắk Sôr	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	19	19	15	4

Ghi chú: - K: là tiêu chí chưa đạt

- D: là tiêu chí đạt

Năm	2020	2019	Năm 2020 tăng/giảm so với 2019
Bình quân tiêu chí của 11 xã	19,00	15,14	3,86

KẾT QUẢ ĐẠT TIÊU CHỈ CẢM TỪNG XÃ QUUA CÁC NĂM

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 333 /BC-UBND ngày 05 /5/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên huyện, xã	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2020 tăng (+), giảm (-) so với năm 2019	Ghi chú
I	Huyện Cư Jút	3,57	5,29	8,71	10,57	10,29	11,86	13,00	15,00	17,14	18,29	1,14	
1	Xã Nam Dong	6	9	13	13	13	14	19	19	18	19	1	
2	Xã Tâm Thắng	3	7	10	12	13	19	19	19	19	19	0	
3	Xã Ea Pô	1	2	8	11	10	12	10	12	15	19	4	
4	Xã Đắk Wil	3	4	7	7	7	7	11	12	19	19	0	
5	Xã Cư Knia	4	5	8	11	11	11	11	13	17	19	2	
6	Xã Đắk D'ông	5	6	9	13	11	11	10	11	13	14	1	
7	Xã Trúc Sơn	3	4	6	7	7	9	11	19	19	19	0	
II	Huyện Đắk Mil	4,78	6,44	7,44	9,00	10,22	12,11	13,56	15,11	15,56	16,67	1,11	
1	Xã Đắk N'Drót	3	4	4	5	6	8	10	11	14	14	0	
2	Xã Đắk Gằn	1	3	4	5	7	8	9	10	12	12	0	
3	Xã Long Sơn	0	2	4	4	6	8	8	10	10	10	0	
4	Xã Đức Mạnh	7	9	9	12	13	14	15	16	17	19	2	
5	Xã Đắk R'Lê	5	7	7	10	11	13	14	16	15	19	4	
6	Xã Thuận An	7	8	8	9	10	13	15	19	19	19	0	
7	Xã Đắk Lao	5	6	8	9	10	12	13	16	15	19	4	
8	Xã Đắk Sắk	5	7	9	11	13	14	19	19	19	19	0	
9	Xã Đức Minh	10	12	14	16	16	19	19	19	19	19	0	
III	Huyện Tuy Đức	2,50	3,33	4,83	7,00	8,33	8,17	9,17	9,33	9,83	11,00	1,17	
1	Xã Quảng Tâm	2	3	3	6	8	7	7	7	9	10	1	
2	Xã Đắk Ngo	3	4	4	6	7	7	7	7	7	10	3	
3	Xã Đắk R'Th	1	2	4	6	9	9	10	10	10	11	1	
4	Xã Quảng Tân	2	3	6	8	8	8	10	10	10	11	1	

STT	Tên huyện, xã	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2020 tăng (+), giảm (-) so với năm 2019	Ghi chú
5	Xã Đắk BukSor	5	6	7	8	8	9	10	10	12	13	1	
6	Xã Quảng Trục	2	2	5	8	10	9	11	12	11	11	0	
IV	Huyện Đắk Glong	2,43	3,29	5,29	6,86	7,57	8,43	7,71	7,43	9,00	11,71	2,71	
1	Xã Đắk Ha	1	2	5	7	8	9	8	7	9	11	2	
2	Xã Quảng Hòa	1	2	4	4	5	5	5	5	7	10	3	
3	Xã Đắk Rmăng	2	3	4	6	6	7	8	7	8	10	2	
4	Xã Quảng Khê	3	4	7	9	11	12	11	9	14	19	5	
5	Xã Quảng Sơn	4	5	6	7	6	8	7	8	8	11	3	
6	Xã Đắk Sôm	2	3	5	7	7	7	6	6	7	10	3	
7	Xã Đắk P'lao	4	4	6	8	10	11	9	10	10	11	1	
V	Huyện Đắk R'lấp	3,20	5,20	8,90	10,30	12,40	14,10	14,70	16,10	18,10	18,40	0,30	
1	Xã Kiên Thành	3	4	8	9	11	12	11	19	19	19	0	
2	Xã Đắk Wer	5	4	9	10	12	15	19	19	19	19	0	
3	Xã Nhân Cơ	5	10	12	14	16	19	19	16	19	19	0	
4	Xã Nhân Đạo	5	6	11	16	16	19	19	15	19	19	0	
5	Xã Nghĩa Thắng	3	5	9	10	14	16	19	19	19	19	0	
6	Xã Đạo Nghĩa	2	9	14	13	19	19	19	16	19	19	0	
7	Xã Đắk Sin	4	5	8	8	11	10	10	10	11	15	4	
8	Xã Hưng Bình	3	3	6	8	8	10	9	9	18	17	-1	
9	Xã Quảng Tín	1	4	5	8	9	11	11	19	19	19	0	
10	Xã Đắk Ru	1	2	7	7	8	10	11	19	19	19	0	
VI	Huyện Đắk Song	2,13	3,88	6,75	7,63	8,25	11,13	12,25	14,13	15,88	17,25	1,38	
1	Xã Đắk Mol	3	4	8	7	7	12	12	13	14	15	1	
2	Xã Đắk Hoà	1	3	7	7	8	11	12	14	17	17	0	
3	Xã Nam Bình	2	4	6	8	8	11	11	14	19	19	0	
4	Xã Thuận Hạnh	2	4	7	8	10	12	14	16	18	19	1	
5	Xã Thuận Hà	1	2	4	6	6	8	13	14	15	19	4	
6	Xã Đắk N'Drưng	2	3	7	7	7	10	10	12	12	16	4	

STT	Tên huyện, xã	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2020 tăng (+), giảm (-) so với năm 2019	Ghi chú
7	Xã Nam N'lang	3	7	10	11	13	15	17	19	19	19	0	
8	Xã Trường Xuân	3	4	5	7	7	10	9	11	13	14	1	
VII	Huyện Krông Nô	2,55	3,45	4,09	5,55	8,00	9,73	10,91	12,36	12,91	14,64	1,73	
1	Xã Đắk Sôr	2	3	5	6	9	12	12	14	15	19	4	
2	Xã Nam Đà	7	6	8	9	16	14	19	19	19	19	0	
3	Xã Nam Xuân	1	2	2	3	5	7	9	11	13	12	-1	
4	Xã Tân Thành	2	4	3	3	5	8	9	12	12	13	1	
5	Xã Buôn Choah	2	3	5	5	7	9	8	11	11	13	2	
6	Xã Đắk Drô	3	4	4	4	7	9	10	13	14	18	4	
7	Xã Nam Nung	1	2	3	5	6	9	11	11	11	15	4	
8	Xã Nam N'Dir	3	3	3	5	7	12	14	14	15	16	1	
9	Xã Đức Xuyên	3	5	6	8	9	10	11	10	13	15	2	
10	Xã Đắk Nang	1	2	3	6	8	9	7	9	8	10	2	
11	Xã Quảng Phú	3	4	3	7	9	8	10	12	11	11	0	
VIII	TP. Gia Nghĩa	2,33	2,33	5,33	5,67	5,67	7,67	8,00	15,67	19,00	19,00	0,00	
2	Xã Đắk N'ia	2	2	7	8	8	11	12	19	19	19	0	
3	Xã Đắk R'moan	5	5	9	9	9	12	12	14	19	19	0	
Trung bình trên toàn tỉnh		3,10	4,15	6,60	7,98	9,5	10,82	11,66	13,21	14,50	15,78	1,28	

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông)

DVT: Triệu đồng



STT	Nội dung đầu tư	Kết quả huy động và thực hiện năm 2020										Kế hoạch năm 2021										Chi chủ
		Tổng số	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lòng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Tổng số	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lòng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp			
				TPCP	BTPT	SN							NSDP	TPCP	BTPT					SN	NSDP	
		15.731.927	257.180	0	177.680	49.500	30.000	677.309	14.500.000	70.000	227.438	15.920.000	150.000	0	70.000	30.000	50.000	1.220.000	14.450.000	55.000	45.000	
1	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới	720	720			720						720	720		720							
2	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới	2.350	2.350			2.350						1.350	1.350		1.350							
3	Hoạt động của Ban chỉ đạo và cơ quan tham mưu, giúp việc ở các cấp	1.370	1.370			1.370						1.370	1.370		1.370							
4	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	0	0			0						0	0		0							
5	Phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội	617.189	213.380	0	177.680	5.700	30.000	246.309	37.500	70.000	50.000	745.500	123.000	0	70.000	3.000	50.000	485.000	37.500	55.000	45.000	
5.1	Giao thông nông thôn	84.700	64.700		57.700		7.000			15.000	5.000	46.000	26.000		15.000		11.000			15.000	5.000	
5.2	Thủy lợi nội đồng	14.161	7.161		5.161		2.000			5.500	1.500	17.000	11.000		7.000		4.000			4.500	1.500	
5.3	Điện nông thôn	49.801	541		541			40.000		4.500	4.760	97.482	1.222		1.222			85.000		6.500	4.760	

Kết quả huy động và thực hiện năm 2020													Kế hoạch năm 2021												
STT	Nội dung đầu tư	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp					Lĩnh vực	Tin dụng	Doanh nghiệp	Đảm góp	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp					Lĩnh vực	Tin dụng	Doanh nghiệp	Đảm góp	Ghi chú			
			Tổng số	Ngân sách Trung ương			NSDP						Tổng số	Ngân sách Trung ương			NSDP								
				TPCP	ĐTPT	SN								TPCP	ĐTPT	SN									
5.4	Trường học	139.500	88.500		85.000	3.500	36.000	15.000		136.500	35.500	30.000	5.500	95.000	6.000										
5.5	Cơ sở vật chất, Văn hóa xã	191.500	96.500			1.500	77.000	6.500	11.500	104.500	2.500		2.500	90.000	2.500										
5.6	Cơ sở vật chất, Văn hóa thôn, bản	95.349	30.000		27.500	2.500	45.309	6.500	13.540	110.540	18.500	15.000	3.500	75.000	6.500										
5.7	Trạm y tế xã	15.000	5.000			5.000		10.000		18.000	8.000		8.000		10.000										
5.8	Thông tin và Truyền thông cơ sở	22.400	8.700			3.000	12.000	500	1.200	55.200	8.000		5.000	45.000	1.000										
5.9	Công trình cung cấp nước sinh hoạt cho người dân	10.500	2.500			2.500	7.500		500	10.500	2.500		2.500	7.500											
5.10	Chợ nông thôn																								
5.11	Nhà ở dân cư	87.500	3.000			3.000	36.000	6.500	12.000	148.000	8.000		8.000	95.000	3.000										
6	Phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết	5.518.950	3.950			3.950	15.000			5.502.000	2.000		2.000	50.000											
7	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp	6.655.000	0				350.000			6.600.000	0			295.000											
8	Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã	450.600	600			600	450.000			450.500	500		500	450.000											
9	Phát triển ngành nghề nông thôn	1.755.000	0				15.000			1.765.000	0			25.000											

**KẾT QUẢ PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 333 /BC-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Cơ quan quản lý sử dụng	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		49.500	
1	Hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	UBND các huyện: Cư Jút, Đăk Mil, Đăk Song, Đăk R'lấp, Krông Nô	5.700	
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa, VPĐP NTM tỉnh	3.950	
3	Thực hiện Đề án OCOP	Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn	4.000	
4	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	600	
5	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn		10.890	
5.1	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	5.580	
5.2	Hỗ trợ mua sắm thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	5.000	
5.3	Công tác, điều tra, kiểm tra, giám sát		310	
6	Hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi và hỗ trợ giáo dục trung học	UBND các huyện, thành phố	3.830	
7	Đào tạo cán bộ công chức cấp xã	Sở Nội vụ	500	
8	Giữ vững quốc phòng an ninh và chính trị xã hội	Công an tỉnh	800	
9	Xây dựng cuộc vận động "xây dựng gia đình 5 không 3 sạch"	Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh	600	
10	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, truyền thông về xây dựng nông thôn mới		3.070	
10.1	Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	720	
10.2	Truyền thông và tổ chức hội thi về xây dựng nông thôn mới	UBND các huyện, thành phố, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	2.350	
11	Thanh tra, kiểm tra, giám sát CT MTQG	Sở Kế hoạch và Đầu tư	120	
12	Thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu - rẫy mẫu	UBND các huyện: Cư Jút, Đăk Mil, Krông Nô, Đăk R'lấp, thành phố Gia Nghĩa	1.500	
13	Ban Chỉ đạo và Văn phòng Điều phối các cấp		1.370	
14	Vốn duy tu bảo dưỡng	UBND các huyện, thành phố	12.570	

PHỤ LỤC 02**KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN****BIỂU 06****TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số **333** /BC-UBND ngày **05/5/2021**
của UBND tỉnh Đắk Nông)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi tiêu	Kết quả huy động năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
TỔNG SỐ		15.731.927	15.920.000	
I	Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình nông thôn mới	257.180	150.000	
1	Ngân sách Trung ương	227.180	100.000	
1.1	Trái phiếu Chính phủ	0		
1.2	Đầu tư phát triển	177.680	70.000	
1.3	Sự nghiệp	49.500	30.000	
2	Ngân sách địa phương	30.000	50.000	
2.1	Tỉnh		30.000	
2.2	Huyện		20.000	
2.3	Xã		0	
II	Vốn lồng ghép từ các Chương trình dự án	677.309	1.220.000	
III	Vốn tín dụng thương mại (*)	14.500.000	14.450.000	
IV	Vốn doanh nghiệp	70.000	55.000	
V	Cộng đồng dân cư (**)	227.438	45.000	

(*) Dư nợ cho vay trên địa bàn các xã đến ngày 31/12/2020

(**) Nguồn vốn huy động đối ứng để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng

		Kết quả huy động và thực hiện năm 2020										Kế hoạch năm 2021											
STT	Nội dung đầu tư	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Lông ghép	Tin dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Tổng số	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Lông ghép	Tin dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Ghi chú		
			Tổng số	Ngân sách Trung ương									NSDP	Tổng số	Ngân sách Trung ương							NSDP	
				TPCP	ĐTPT	SN									TPCP	ĐTPT							SN
5.4	Trường học	139.500	88.500	85.000	3.500	36.000	15.000	15.000	136.500	35.500	30.000	5.500	95.000	6.000	6.000								
5.5	Cơ sở vật chất, Văn hóa xã	191.500	96.500		1.500	77.000	6.500	11.500	104.500	2.500		2.500	90.000	2.500	2.500						9.500		
5.6	Cơ sở vật chất, Văn hóa thôn, bùn, bản	95.349	30.000	27.500	2.500	45.309	6.500	13.540	110.540	18.500	15.000	3.500	75.000	6.500	6.500						10.540		
5.7	Trạm y tế xã	15.000	5.000		5.000		10.000	10.000	18.000	8.000		8.000		10.000	10.000								
5.8	Thông tin và truyền thông cơ sở	22.400	8.700	5.700	3.000	12.000	500	1.200	55.200	8.000	3.000	5.000	45.000	1.000	1.000						1.200		
5.9	Công trình cung cấp nước sinh hoạt cho người dân	10.500	2.500		2.500			500	10.500	2.500		2.500				7.500					500		
5.10	Chợ nông thôn																						
5.11	Nhà ở dân cư	87.500	3.000		3.000	36.000	6.500	12.000	148.000	8.000		8.000	95.000	3.000	3.000								
6	Phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết	5.518.950	3.950	3.950		15.000			5.502.000	2.000			50.000			5.450.000							
7	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp	6.655.000	0			350.000			6.600.000	0			295.000			6.305.000							
8	Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã	450.600	600	600			450.000		450.500	500						450.000							
9	Phát triển ngành nghề nông thôn	1.755.000	0			15.000			1.765.000	0			25.000			1.740.000							

		Kết quả huy động và thực hiện năm 2020										Kế hoạch năm 2021														
STT	Nội dung đầu tư	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Lồng ghép	Tin dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Tổng số	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Lồng ghép	Tin dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Ghi chú					
			Tổng số	Ngân sách Trung ương									NSDP	TPCP	ĐTPT	SN						Tổng số	Ngân sách Trung ương			NSDP
				TPCP	ĐTPT	SN																	TPCP	ĐTPT	SN	
10	Đào tạo nghề phi nông nghiệp	4.500	0				4.500				4.500															
11	Đào tạo nghề nông nghiệp	15.390	10.890			10.890	4.500				4.500															
12	Phát triển giáo dục ở nông thôn	9.330	3.830			3.830	5.500				5.500															
13	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn	17.500	0				8.000				8.000															
14	Vệ sinh môi trường nông thôn	10.250	250			250	10.000				10.000															
15	Khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề	22.500	0				15.000				15.000															
16	Đào tạo cho công chức xã	500	500			500																				
17	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	800	800			800																				
18	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	16.070	12.570			12.570	3.500				3.500															
19	Xây dựng cuộc vận động "xây dựng 5 không 3 sạch"	600	600			600																				

		Kết quả huy động và thực hiện năm 2020										Kế hoạch năm 2021											
STT	Nội dung đầu tư	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Lồng ghép	Tin dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Tổng số	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Lồng ghép	Tin dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Ghi chú		
			Tổng số	Ngân sách Trung ương									NSDP	Tổng số	Ngân sách Trung ương							NSDP	
				TPCP	ĐTPT	SN									TPCP	ĐTPT							SN
20	Thực hiện Đề án OCOP				4.000																		
21	Thanh tra, kiểm tra, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia				120																		
22	Thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu - rẫy mẫu				1.500																		
23	Nội dung khác (nếu có)	629.466			1.528		450.500		177.438	452.028	1.528											450.500	

BIỂU 08

**KẾT QUẢ PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 333 /BC-UBND ngày 05 / 5/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Cơ quan quản lý sử dụng	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		49.500	
1	Hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	UBND các huyện: Cư Jút, Đăk Mil, Đăk Song, Đăk R'lấp, Krông Nô	5.700	
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	3.950	
3	Thực hiện Đề án OCOP	Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn	4.000	
4	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	600	
5	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn		10.890	
5.1	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	5.580	
5.2	Hỗ trợ mua sắm thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	5.000	
5.3	Công tác, điều tra, kiểm tra, giám sát		310	
6	Hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi và hỗ trợ giao dục trung học	UBND các huyện, thành phố	3.830	
7	Đào tạo cán bộ công chức cấp xã	Sở Nội vụ	500	
8	Giữ vững quốc phòng an ninh và chính trị xã hội	Công an tỉnh	800	
9	Xây dựng cuộc vận động "xây dựng gia đình 5 không 3 sạch"	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	600	
10	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, truyền thông về xây dựng nông thôn mới		3.070	
10.1	Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	720	
10.2	Truyền thông và tổ chức hội thi về xây dựng nông thôn mới	UBND các huyện, thành phố, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	2.350	
11	Thanh tra, kiểm tra, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Kế hoạch và Đầu tư	120	
12	Thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu - rẫy mẫu	UBND các huyện: Cư Jút, Đăk Mil, Krông Nô, Đăk R'lấp, thành phố Gia Nghĩa	1.500	
13	Ban Chỉ đạo và Văn phòng Điều phối các cấp		1.370	
14	Vốn duy tu bảo dưỡng	UBND các huyện, thành phố	12.570	

BIỂU 09**KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số **333**/BC-UBND ngày **05/5/2021** của UBND tỉnh Đắk Nông)

DVT: Triệu đồng

TT	CÔNG TRÌNH	Kết quả thực hiện năm 2020	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	177.680	
1	Giao thông	57.700	Năm 2020 đầu tư xây dựng 134 công trình
2	Thủy lợi	5.161	Năm 2020 đầu tư xây dựng 05 công trình
3	Điện	541	Năm 2020 đầu tư xây dựng 01 công trình
4	Trường học	85.000	Năm 2020 đầu tư xây dựng 60 công trình
5	Cơ sở vật chất Văn hóa	27.500	Năm 2020 đầu tư xây dựng 70 công trình
6	Cơ sở hạ tầng thương mại		
7	Trạm y tế xã		
8	Công trình cung cấp nước sạch		
9	Công trình xử lý môi trường	250	Năm 2020 đầu tư xây dựng 01 công trình
10	Khác	1.528	